



2017

Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng: Nâng cao chuỗi giá trị ngành gỗ



Nhóm tác giả:

Nguyễn Vinh Quang

Tô Xuân Phúc

Nguyễn Tôn Quyền

Cao Thị Cẩm

Hà Nội, tháng 3 năm 2017

Lời cảm ơn

Báo cáo Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và các hộ trồng rừng tại Việt Nam được thực hiện bởi tổ chức Forest Trends và Hiệp Hội Gỗ và Lâm Sản Việt Nam (VIFORES). Chúng tôi xin chân thành cảm ơn đại diện các Công ty TNHH IKEA Việt Nam, Công ty Cổ phần Lâm sản Nam Định (NAFOCO), Công ty Cổ phần Woodlands, Công ty TNHH Scansia Pacific, Công ty TNHH Thanh Hòa, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Yên Bình (Yên Bái), Công ty Lâm nghiệp Xuân Đài (Phú Thọ), Công ty Tuyên Bình (Tuyên Quang), Xưởng xe Trường Thành (Yên Bái), Xưởng xe Công ty Cổ phần Lâm sản An Thái (Quảng Trị); Chi cục Kiểm lâm Yên Bái, Hội Nông dân huyện Yên Bình (Yên Bái), UBND các xã Phú Thịnh và Thịnh Hưng (huyện Yên Bình, Yên Bái), xã Tây Cốc (huyện Đoan Hùng, Phú Thọ), xã Long Cốc (huyện Tân Sơn, Phú Thọ); và các hộ gia đình trồng rừng nguyên liệu tại Yên Bình (Yên Bái), Đoan Hùng (Phú Thọ), Gio Linh (Quảng Trị), đã hỗ trợ và cung cấp thông tin cho báo cáo. Báo cáo được hoàn thành với sự hỗ trợ tài chính của Dự án Quản trị Đất đai Tiểu vùng Sông Mê Kông (MRLG), Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương Quốc Anh (DFID), và Cơ quan Hợp tác Phát triển Vương quốc Na Uy (NORAD), thông qua tổ chức Forest Trends. Quan điểm thể hiện trong báo cáo là của các tác giả, không phản ánh quan điểm của cơ quan nơi các tác giả làm việc, cũng như không phản ánh quan điểm của các nhà tài trợ.

Mục lục

Lời cảm ơn	i
Mục lục	ii
Danh sách các Hình và Bảng	iii
Tóm tắt báo cáo	iv
1. Bối cảnh	7
2. Mục tiêu và phương pháp	8
3. Mô hình liên kết IKEA: Một số nét chung	8
3.1. Liên kết giữa Tập đoàn IKEA và các nhà cung cấp	9
3.2. Liên kết giữa các nhà cung cấp của IKEA và các hộ trồng rừng	11
3.3. Liên kết giữa các nhà cung cấp của IKEA và xưởng xe CoC	12
3.4. Vai trò của chính quyền địa phương trong liên kết	12
3.5. Hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài	12
4. Mô hình liên kết giữa Công ty chế biến gỗ và Hộ trồng rừng	12
4.1. Liên kết giữa NAFOCO và các hộ trồng rừng tại Yên Bái	12
4.2. Liên kết giữa công ty Woodsland và các hộ trồng rừng tại Tuyên Quang	14
4.3. Liên kết giữa Công ty Scansia Pacific và các hộ trồng rừng tại Quảng Trị	14
4.4. Động lực mở rộng của mô hình liên kết giữa công ty và hộ trồng rừng	15
5. Hiệu quả của mô hình liên kết	16
5.1. Hiệu quả về mặt kinh tế của mô hình	16
5.2. Hiệu quả về mặt xã hội của mô hình	21
5.3. Hiệu quả về mặt môi trường của mô hình	22
6. Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng: Bài học từ thực tiễn và chính sách	23
Phụ lục	28
Phụ lục 1. Tổng hợp diện tích rừng theo chủ quản lý trong toàn quốc tính đến 31/12/2015	28
Phụ lục 2. Thông tin cơ bản về FSC	29
Phụ lục 3. Một số chỉ số về khả năng cân đối chi phí cấp chứng chỉ FSC của Hội các nhóm hộ trồng rừng FSC Quảng Trị	31
Phụ lục 4. Khác nhau trong trồng rừng FSC và không FSC của các hộ gia đình	32
Tài liệu tham khảo	34

Danh sách các Hình và Bảng

Hình 1. Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng.....	9
Bảng 1. Quyền lợi và nghĩa vụ của IKEA và nhà cung cấp.....	10
Bảng 2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà cung cấp và các hộ trồng rừng.....	11
Bảng 3. Hiệu quả kinh tế trồng rừng nguyên liệu có chứng chỉ và không có chứng chỉ FSC của hộ gia đình.....	18

Tóm tắt báo cáo

Phát triển rừng trồng có vai trò hết sức quan trọng đối với ngành chế biến đồ gỗ của Việt Nam. Đến nay sản lượng nguồn gỗ rừng trồng trong nước khai thác hàng năm đạt khoảng 16 triệu m³ quy tròn. Xu hướng thị trường cho thấy nhu cầu sử dụng gỗ rừng trồng, đặc biệt để sản xuất các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu vào các thị trường có những đòi hỏi chặt chẽ về tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào như Hoa Kỳ, EU càng ngày càng lớn. Điều này có nghĩa rằng nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng ngày càng được ưa chuộng và là một trong những nguồn cung quan trọng cho ngành gỗ.

Để duy trì nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp ổn định, mô hình liên kết giữa các công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ gia đình trồng rừng đã được hình thành và đang trên đà phát triển. Liên kết này dựa trên niềm tin rằng các nguồn lực của các bên tham gia liên kết sẽ được tối đa hóa. Cụ thể, công ty chế biến có tiềm lực về vốn đầu tư, kỹ thuật và công nghệ, trình độ quản lý và bao tiêu đầu ra cho sản phẩm; các hộ dân có nguồn đất trồng rừng và lao động.

Mô hình liên kết phát triển rừng trồng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) là một trong những ví dụ điển hình về liên kết giữa công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ trồng rừng vùng núi. Trong liên kết này, các công ty chuyên chế biến sản phẩm gỗ cho Tập đoàn IKEA đã liên kết với các hộ có nguồn rừng trồng tại một số tỉnh nhằm phát triển rừng trồng gỗ lớn, đạt chứng chỉ FSC nhằm tạo nguồn cung gỗ nguyên liệu cho các công ty này để sản xuất các sản phẩm gỗ cho Tập đoàn IKEA. Liên kết này hiện được coi là có tiềm năng nâng cao lợi ích kinh tế cho các hộ trồng rừng, ổn định nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho các công ty chế biến. Mô hình cũng được coi có tiềm năng trong việc đem lại hiệu quả xã hội và môi trường.

Đến nay mô hình liên kết giữa công ty chế biến và các hộ trồng rừng do yêu cầu của thị trường vẫn mang tính chất tự phát, được hình thành chủ yếu do nhu cầu kết nối của công ty và hộ trồng rừng. Nghiên cứu này do đó được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả (cả 3 khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường) của mô hình liên kết giữa công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ trồng rừng nhằm phát triển nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn, đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Nghiên cứu được thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 3/2017, thông qua phỏng vấn trực tiếp đại diện Tập đoàn IKEA tại Việt Nam, các Công ty chế biến đồ gỗ xuất khẩu cung cấp cho IKEA, xưởng xẻ CoC cung cấp gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC được khai thác từ các hộ gia đình cho các công ty chế biến gỗ, và một số hộ trồng rừng tại Quảng Trị, Yên Bái, Tuyên Quang hiện đang tham gia mô hình liên kết với các công ty chế biến. Thông tin thu thập từ các ý kiến của Chi cục Kiểm lâm, Hội Nông dân huyện, và UBND cấp xã tại các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, và Quảng Trị cũng được sử dụng trong báo cáo này.

Các phát hiện chính của nghiên cứu bao gồm:

- Mô hình liên kết có sự tham gia trực tiếp của của (i) Tập đoàn IKEA với vai trò là người phụ trách việc tiêu thụ các sản phẩm đầu ra của chế biến, (ii) Công ty chế biến gỗ phụ trách việc sản xuất ra các sản phẩm cho tập đoàn IKEA, (iii) các hộ trồng rừng, với vai trò cung nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho các công ty chế biến, thông qua (iv) các xưởng xẻ CoC, nhằm đảm bảo nguồn gỗ từ hộ được qua khâu sơ chế trước khi đi vào công đoạn sản xuất chính. Bên cạnh đó, mô hình còn có sự tham gia hỗ trợ về mặt hành chính của (v) chính quyền địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp thôn/xã và (vi) các nguồn hỗ trợ về kỹ thuật và/hoặc tài chính từ các tổ chức bên ngoài.
- Mô hình liên kết, khi tuân thủ những quy định và tiêu chuẩn IWAY (của IKEA) và FM/CoC FSC (của FSC), đem lại hiệu quả xã hội và môi trường tích cực:
 - Về mặt xã hội, mô hình liên kết đã tạo ra được chuỗi giá trị mà theo đó các bên phát huy được tốt hơn thế mạnh của mình, giải quyết hay hạn chế được điểm yếu, từ đó sự ổn định và bền vững sẽ tốt hơn. Tính hỗ trợ lẫn nhau giúp các bên tham gia mô hình giảm được các

áp lực bên ngoài, tăng khả năng cạnh tranh, đầu tư hiệu quả hơn, từ đó tạo được sự phát triển chung và bền vững hơn cho toàn xã hội và nền kinh tế; Chính quyền xúc tiến nhanh hơn việc xác nhận tính hợp pháp của đất trồng rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân giúp giảm những bất đồng, tranh chấp giữa các thành viên trong cộng đồng, và tạo tâm lý yên tâm đầu tư vào sản xuất của các hộ dân; Việc áp dụng các quy định tuân thủ luật lao động, đảm bảo vệ sinh an toàn lao động trong các khâu của quá trình sản xuất giúp người lao động bảo vệ sức khỏe tốt hơn; Hình thức liên kết và tổ chức thành nhóm hộ trồng rừng có quy định chung rõ ràng, minh bạch đã tạo sự đồng lòng giữa các hộ thành viên nhóm, khuyến khích tham gia nhóm và chủ động đầu tư của các hộ dân.

- Về mặt môi trường, các quy định và tiêu chuẩn kiểm soát nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào hợp pháp, không được khai thác trắng diện tích lớn, không được đốt đại trà thực bì, không sử dụng thuốc diệt cỏ, phải làm vành đai bảo vệ nguồn nước, vùng có giá trị bảo tồn cao, vùng nguy cơ xói lở,... và các quy định bắt buộc về điều kiện vệ sinh môi trường nhà xưởng (không gian, ánh sáng, bụi, bảo hộ lao động trong các khâu sản xuất), giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải thiện môi trường sống cho người dân, môi trường làm việc chất lượng hơn, đảm bảo sức khỏe người lao động.
- Về khía cạnh kinh tế, mối liên kết giữa Tập đoàn IKEA và các Công ty chế biến đồ gỗ giúp IKEA có được nguồn cung sản phẩm có chứng chỉ FSC ổn định, giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn gỗ nguyên liệu bất hợp pháp, cung cấp cho các thị trường trên thế giới đang có nhu cầu cao về sản phẩm gỗ có chứng chỉ FSC. Các Công ty chế biến có được đơn hàng lớn và dài hạn, được IKEA hỗ trợ vốn, kỹ thuật cũng như xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp chất lượng cao, phù hợp với các yêu cầu của IKEA và đáp ứng được hầu hết các đòi hỏi về chất lượng của người mua khác, uy tín, năng lực sản xuất và cạnh tranh, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp tăng lên. Từ đó doanh nghiệp yên tâm đầu tư hỗ trợ xây dựng các Xưởng xẻ CoC tại vùng nguyên liệu, và mở rộng liên kết với các hộ trồng rừng. Mặc dù vậy, do lợi nhuận ròng trên sản phẩm thấp (chỉ 4-5%) cùng yêu cầu khắt khe của IKEA về năng lực sản xuất đối với nhà cung cấp cũng như đòi hỏi giảm giá thành và tăng chất lượng sản phẩm và sản lượng hàng năm (mà không được tăng quy mô sản xuất), chỉ các doanh nghiệp lớn có năng lực sản xuất và tài chính cao mới đủ điều kiện tham gia mô hình liên kết.
- Liên kết giữa Công ty chế biến và hộ trồng rừng giúp các Công ty có nguồn gỗ nguyên liệu ổn định, đáp ứng được các yêu cầu hợp pháp và bền vững về sản phẩm của IKEA, và chủ động được nguồn nguyên liệu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Các hộ trồng rừng được tiếp cận với các hỗ trợ về nguồn vốn ưu đãi ưu đãi lãi suất thấp hoặc không lãi suất, nhằm kéo dài chu kỳ sinh trưởng của rừng trồng, tạo nguồn nguyên liệu gỗ lớn, có giá trị kinh tế cao; được tiếp cận với các hỗ trợ kỹ thuật mới trong phát triển rừng trồng, giảm thiểu hoặc loại bỏ các tác động tiêu cực về con người và môi trường do các tập quán canh tác cũ gây ra; và đặc biệt bán được gỗ giá cao hơn (từ 10-18%) và có thị trường đầu ra ổn định cho nguồn gỗ khai thác.
- Tuy nhiên, liên kết giữa Công ty chế biến và hộ trồng rừng vẫn có những rủi ro hay hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính bền vững của mô hình.
 - Với Công ty chế biến, thỏa thuận hợp tác giữa Công ty và người dân không có tính ràng buộc pháp lý chặt chẽ, hộ trồng rừng là bên có quyền quyết định bán cho ai và bán khi nào. Điều này tạo rủi ro cho Công ty chế biến trong việc đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào cung cấp sản phẩm gỗ có chứng chỉ FSC cho IKEA.
 - Với hộ trồng rừng, thu nhập tăng thêm từ bán gỗ có chứng chỉ FSC (10-18%) chưa chắc đã đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng rừng thông thường hay truyền thống, do (1) hiện nay chi phí sản xuất chưa được tính đủ (chi phí đánh giá cấp chứng chỉ FSC—đang được Công ty hỗ trợ, chi phí công lao động và chi phí tuân thủ quy định và tiêu chuẩn FSC phát sinh chưa được tính); (2) Công ty chế biến chỉ thu mua gỗ có chất lượng tốt (không rỗng ruột), có đường kính lớn (đường kính đầu nhỏ từ 14 cm trở lên), số gỗ, cành nhánh còn lại các hộ dân phải tự xoay sở. Chu kỳ khai thác dài (8-12 năm), năng lực hạn chế trong việc tuân thủ các quy định của FSC (10 nguyên tắc, 56 tiêu chí), quy mô diện tích đất của mỗi hộ nhỏ (phần lớn từ 1-3 ha) và nằm rải rác dạng “xôi đỗ” với diện tích các hộ không tham gia mô hình trồng rừng FSC, và tính không đồng nhất hay đa dạng về chất lượng giống và loài cây trồng, là những yếu tố thực trạng ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của mô hình liên kết.

- Mức độ sẵn có và giá cả của nguồn cung từ nhập khẩu đối với gỗ cùng chủng loại của các hộ trồng rừng, và khi diện tích trồng rừng có chứng chỉ FSC trong nước vượt quá khả năng bao tiêu của các Công ty chế biến, nếu xảy ra, cũng là những yếu tố ảnh hưởng tiêu cực đến mô hình liên kết.

Nghiên cứu kết luận rằng liên kết Công ty chế biến và hộ trồng rừng là mối liên kết quan trọng cần phát triển và mở rộng, với 'lòng tin' và 'chia sẻ lợi ích công bằng' là các yếu tố quan trọng cần đảm bảo, nhằm tạo nguồn cung gỗ hợp pháp ổn định cho công nghiệp chế biến gỗ và xóa đói giảm nghèo vùng núi tại Việt Nam. Tuy nhiên mô hình liên kết không nhất thiết phải gắn với chứng chỉ quản lý rừng bền vững, mà ưu tiên tiêu chí đảm bảo nguồn gỗ hợp pháp. Với 60-70% nguồn cung gỗ rừng trồng trong nước từ các hộ trồng rừng, vai trò của hộ trồng rừng là quan trọng. Nghiên cứu do đó khuyến nghị Nhà nước tiếp tục giao đất với mục đích trồng rừng cho các hộ gia đình, đặc biệt các hộ hiện đang không có hoặc thiếu đất sản xuất. Nguồn đất có thể sử dụng là khoảng 2,7 triệu ha đất lâm nghiệp hiện đang do Ủy ban Nhân dân các xã đang được tạm giao quản lý, và diện tích các Công ty Lâm nghiệp Nhà nước đang sử dụng kém hiệu quả.

Nghiên cứu cũng khuyến nghị Chính quyền địa phương không nên trực tiếp tham gia vào các hoạt động của liên kết như tham gia các cuộc vận động người dân tham gia liên kết, hạn chế việc ban hành các mệnh lệnh về hành chính yêu cầu các hộ tham gia, mà cần tạo môi trường thể chế thuận lợi cho việc hình thành liên kết. Chính quyền nên coi liên kết như là một loại hình đầu tư và môi trường thể chế cần thông thoáng, đặc biệt là các quy định có liên quan đến sử dụng và quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, để có thể thu hút các doanh nghiệp và người dân cùng tham gia đầu tư, hình thành liên kết. Chính quyền cũng cần có những cơ chế nhằm tạo lòng tin cho doanh nghiệp, bao gồm cả những biện pháp chế tài đủ mạnh, nhằm giảm thiểu các rủi ro xảy ra khi hộ phá vỡ hợp đồng. Chính quyền cũng cần thiết lập các biện pháp kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích công bằng cho người dân khi tham gia liên kết.

1. Bối cảnh

Đất lâm nghiệp là một trong những nguồn lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế các hộ ở vùng núi, đặc biệt ở những nơi có tỉ lệ đói nghèo còn cao. Trong hai thập kỷ trở lại đây, Chính phủ đã thực hiện giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, công ty lâm nghiệp nhà nước, một số công ty tư nhân (hay còn gọi là các tổ chức kinh tế) và cộng đồng. Trong số này có khoảng 1,4 triệu hộ được giao 3,146 triệu ha đất lâm nghiệp và 134 công ty nhà nước được giao 1,454 triệu ha (chi tiết tại Phụ lục 1).

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng giao đất các hộ đã và đang đem lại những lợi ích quan trọng về kinh tế, xã hội và môi trường (Tô Xuân Phúc và Trần Hữu Nghị 2014, Mayfroid and Lambin 2008 a,b). Lý do là bởi nhiều hộ đã đầu tư trồng rừng khi có đất. Phát triển rừng trồng góp phần làm tăng độ che phủ của rừng, cải thiện sinh kế cho các hộ, bao gồm nhiều hộ nghèo đồng bào dân tộc, thông qua việc tạo nguồn cung gỗ nguyên liệu cho thị trường.

Đến nay ở Việt Nam vẫn có những ý kiến khác nhau về hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp giữa các nhóm được nhận đất. Một số ý kiến cho rằng sử dụng đất sẽ có hiệu quả cao hơn nếu quy mô sử dụng đất lớn, bởi quy mô này sẽ giúp giảm các chi phí sản xuất và giao dịch. Theo các quan điểm này, đất lâm nghiệp nên được giao cho các công ty lâm nghiệp, bởi đây là nhóm có năng lực sản xuất tốt, có vốn và trình độ kỹ thuật. Luồng quan điểm này cũng cho rằng đất giao cho các hộ gia đình không hiệu quả, bởi đất bị manh mún, chi phí sản xuất và giao dịch cao, năng lực sản xuất của các hộ thấp, do thiếu nguồn lực đầu vào như vốn, hạn chế về trình độ thâm canh.

Tuy nhiên, nhiều ý kiến cho rằng mặc dù diện tích đất bình quân của mỗi hộ nhỏ, đây là nguồn lực chính giúp nâng cao độ che phủ rừng của cả nước và góp phần cải thiện sinh kế của các hộ dân nghèo, đồng bào dân tộc ở vùng núi trong thời gian vừa qua. Các quan điểm này cho rằng hiệu quả sử dụng đất không chỉ đơn thuần là lợi ích kinh tế thu được trên một đơn vị diện tích mà cần phải được đánh giá đầy đủ về cả khía cạnh môi trường và xã hội. Theo quan điểm này, đất giao cho các hộ, đặc biệt là các hộ dân nghèo có lợi ích xã hội cao hơn so với giao đất cho các công ty lâm nghiệp.

Phát triển rừng trồng có vai trò hết sức quan trọng đối với ngành chế biến đồ gỗ và dăm xuất khẩu của Việt Nam. Đến nay sản lượng nguồn gỗ rừng trồng trong nước khai thác hàng năm đạt khoảng 16 triệu m³ quy tròn (Nguyễn Tôn Quyền và cộng sự 2016).¹ Khoảng 80% nguồn gỗ này là gỗ có đường kính nhỏ, được sử dụng làm nguyên liệu dăm và MDF. Phần còn lại (20%) được sử dụng sản xuất các sản phẩm đồ gỗ, chủ yếu phục vụ xuất khẩu. Xu hướng thị trường cho thấy nhu cầu sử dụng gỗ rừng trồng, đặc biệt để sản xuất các sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu vào các thị trường có những đòi hỏi chặt chẽ về tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào như Hoa Kỳ, EU càng ngày càng lớn. Điều này có nghĩa rằng nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng ngày càng được ưa chuộng và là một trong những nguồn cung quan trọng cho ngành gỗ.

Để duy trì nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp ổn định, mô hình liên kết giữa các công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ gia đình trồng rừng đã được hình thành và đang trên đà phát triển. Liên kết này dựa trên niềm tin rằng các nguồn lực của các bên tham gia liên kết sẽ được tối đa hóa. Cụ thể, công ty chế biến có tiềm lực về vốn đầu tư, kỹ thuật và công nghệ, trình độ quản lý và bao tiêu đầu ra cho sản phẩm; các hộ dân có nguồn đất trồng rừng và lao động.

Mô hình liên kết phát triển rừng trồng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) là một trong những ví dụ điển hình về liên kết giữa công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ trồng rừng vùng núi. Các thông tin cơ bản về hệ thống chứng chỉ quản lý rừng bền vững được trình bày tại Phụ lục 2 của Báo cáo này. Trong liên kết này, các công ty chuyên chế biến sản phẩm gỗ cho Tập đoàn IKEA như Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Gỗ Nam Định (NAFOCO), Công ty Woodsland đã liên kết với các hộ có nguồn rừng trồng tại các tỉnh như Phú

¹ Theo Tô Xuân Phúc (2017) nguồn cung gỗ trong nước, chủ yếu là từ rừng trồng, khai thác hàng năm khoảng 24 triệu m³ quy tròn, trong đó 60-70%, tức khoảng 16 triệu m³, có nguồn gốc rừng trồng của các hộ gia đình (Nguồn: Tô Xuân Phúc. Liên kết trong ngành chế biến gỗ: Tăng cường cơ hội, giảm rủi ro vì mục tiêu phát triển bền vững. Trong "Diễn đàn Doanh nghiệp: Kết nối vì mục tiêu phát triển bền vững ngành chế biến gỗ." Forest Trends. Tháng 4/2017.)

Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Quảng Trị nhằm phát triển rừng trồng gỗ lớn, đạt chứng chỉ FSC nhằm tạo nguồn cung gỗ nguyên liệu cho các công ty này để sản xuất các sản phẩm gỗ cho Tập đoàn IKEA. Liên kết này (sau đây được gọi là mô hình liên kết IKEA) hiện được coi là có tiềm năng nâng cao lợi ích kinh tế cho các hộ trồng rừng, ổn định nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho các công ty chế biến. Mô hình cũng được coi có tiềm năng trong việc đem lại hiệu quả môi trường và xã hội, bởi có sự tham gia của hàng nghìn hộ dân trồng rừng.

Đến nay mô hình liên kết giữa công ty chế biến và các hộ trồng rừng do yêu cầu của thị trường vẫn mang tính chất tự phát, được hình thành chủ yếu do nhu cầu kết nối của công ty và hộ trồng rừng. Cần có những đánh giá về những thuận lợi và khó khăn trong việc tổ chức và vận hành mô hình, từ đó rút ra các bài học về mô hình liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng trong tương lai.

2. Mục tiêu và phương pháp

Mục tiêu chung của nghiên cứu là đánh giá hiệu quả của mô hình liên kết giữa công ty chế biến gỗ xuất khẩu và các hộ trồng rừng nhằm phát triển nguồn gỗ rừng trồng là gỗ lớn, đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC. Các mục tiêu cụ thể bao gồm:

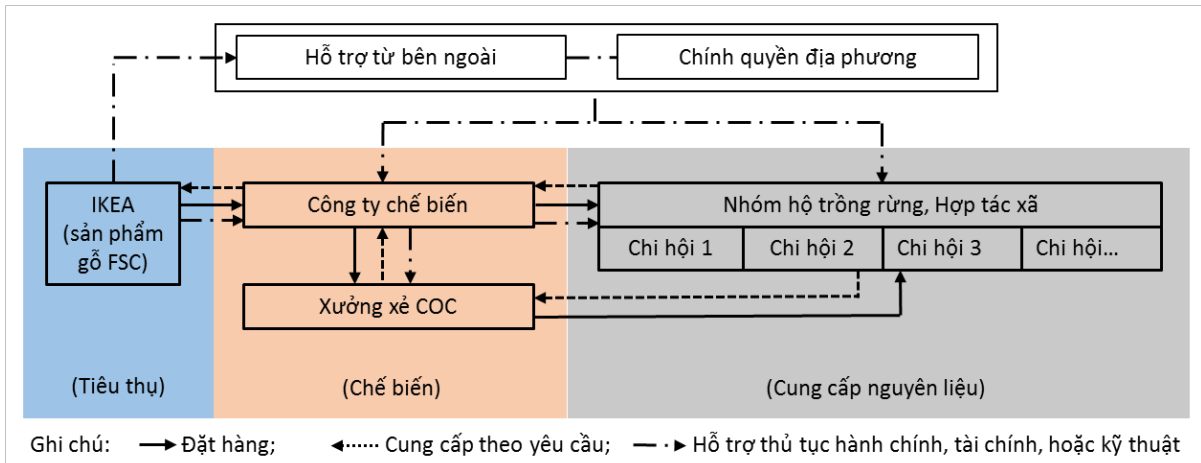
- Đánh giá sự tham gia và vai trò của các bên trong mô hình;
- Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của mô hình;
- Đánh giá các thuận lợi và khó khăn trong việc hình thành và vận hành mô hình;
- Rút ra các bài học về mô hình liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng.

Nghiên cứu sử dụng nguồn số liệu thứ cấp và sơ cấp. Nguồn số liệu thứ cấp bao gồm thông tin từ các báo cáo, tài liệu của các cơ quan quản lý và kết quả nghiên cứu về sử dụng và quản lý đất lâm nghiệp, phát triển rừng trồng. Nguồn thông tin sơ cấp bao gồm dữ liệu thu thập, trong thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 3/2017, từ phỏng vấn trực tiếp đại diện Tập đoàn IKEA tại Việt Nam, 4 công ty chế biến đồ gỗ xuất khẩu cho Tập đoàn IKEA (hay còn được gọi là nhà cung cấp của IKEA), 2 xưởng xẻ cung cấp gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC được khai thác từ các hộ gia đình cho các công ty chế biến gỗ và một số hộ trồng rừng tại Quảng Trị, Yên Bái, Tuyên Quang hiện đang tham gia mô hình liên kết với các công ty chế biến. Ngoài ra, Báo cáo còn sử dụng thông tin thu thập từ các ý kiến của Chi cục Kiểm lâm, Hội Nông dân huyện, và UBND cấp xã tại các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, và Quảng Trị.

3. Mô hình liên kết IKEA: Một số nét chung

Mô hình liên kết IKEA (Hình 1) có sự tham gia trực tiếp của (i) Tập đoàn IKEA với vai trò là người phụ trách việc tiêu thụ các sản phẩm đầu ra của chế biến, (ii) công ty chế biến gỗ phụ trách việc sản xuất ra các sản phẩm cho tập đoàn IKEA (Nhà cung cấp), (iii) các hộ trồng rừng, với vai trò cung nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho các công ty chế biến, thông qua (iv) các xưởng xẻ CoC, nhằm đảm bảo nguồn gỗ từ hộ được qua khâu sơ chế trước khi đi vào công đoạn sản xuất chính. Bên cạnh đó, mô hình còn có sự tham gia hỗ trợ về mặt hành chính của (v) chính quyền địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp thôn/xã và (vi) các nguồn hỗ trợ về kỹ thuật và/hoặc tài chính từ các tổ chức bên ngoài.

Hình 1. Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng



3.1. Liên kết giữa Tập đoàn IKEA và các nhà cung cấp

Các yêu cầu của Tập đoàn IKEA đối với nhà cung cấp

IKEA là một tập đoàn quốc tế chuyên thiết kế và kinh doanh đồ nội thất, thiết bị và phụ kiện nhà ở. Đây cũng là tập đoàn bán lẻ đồ nội thất lớn nhất thế giới và đứng thứ 3 về sử dụng gỗ nguyên liệu cho hoạt động kinh doanh của mình (IKEA, 2012). Hiện các sản phẩm đồ gỗ nội thất của IKEA có mặt tại 43 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới (cùng nguồn trích dẫn). IKEA không trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất, mà tạo nguồn hàng thông qua mạng lưới các nhà cung cấp tin tưởng của mình.

Tập đoàn IKEA có mặt ở Việt Nam từ năm 1994. Hiện các sản phẩm đồ gỗ của IKEA tại Việt Nam được cung cấp bởi trên 10 nhà cung cấp/công ty chế biến. Toàn bộ các sản phẩm này được sử dụng phục vụ thị trường xuất khẩu mà không được tiêu thụ tại Việt Nam. IKEA áp dụng một quy trình và các tiêu chí chặt chẽ khi lựa chọn nhà cung cấp. Các yêu cầu này có liên quan đến quy mô sản xuất, với doanh thu mảng chế biến gỗ tối thiểu từ 1 triệu USD/năm trở lên, khả năng về vốn và kỹ thuật tốt, trình độ quản trị doanh nghiệp tốt, cam kết tăng năng suất hàng năm, cam kết hợp tác lâu dài và chỉ sản xuất duy nhất sản phẩm cho IKEA. Nhìn chung chỉ có những doanh nghiệp chế biến quy mô lớn, có nguồn cung nguyên liệu tốt mới có thể đáp ứng được các yêu cầu của IKEA.

Khi đáp ứng với các yêu cầu và trở thành nhà cung cấp của IKEA, 2 bên sẽ kí kết và thực hiện Thỏa thuận hợp tác chiến lược. Thỏa thuận này thường kéo dài từ 3-5 năm, làm nền cho hợp đồng kinh tế hay đơn hàng được ký kết giữa 2 bên hàng năm. Năm 2016, tổng giá trị giao dịch các mặt hàng gỗ giữa IKEA và các nhà cung cấp tại Việt Nam đạt khoảng 100 triệu Euro.

Các yêu cầu của IKEA về nguồn gỗ nguyên liệu tạo sản phẩm

Chất lượng sản phẩm là một trong những yêu cầu nghiêm ngặt nhất của IKEA. Cụ thể, IKEA yêu cầu tất cả sản phẩm đồ gỗ của mình, dù sử dụng nguyên liệu gỗ đặc (solid wood), veneer, ván ép (plywood), ván ghép (layer-glued), hay ván gỗ ép (wood-based board materials) đều phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau:

- Không có nguồn gốc từ các khu rừng khai thác trái phép;
- Không có nguồn gốc từ các hoạt động lâm nghiệp có liên quan đến các xung đột xã hội về rừng;
- Không có nguồn gốc từ các khu rừng nguyên sinh hoặc rừng được xác nhận hoặc định vị là khu vực rừng có giá trị bảo tồn cao trừ khi được cấp chứng nhận theo một chương trình được IKEA công nhận;
- Không có nguồn gốc từ các khu rừng được trồng từ việc chuyển đổi các khu rừng tự nhiên nhiệt đới và bán nhiệt đới;

- Không có nguồn gốc từ các khu rừng trồng được xác định chính thức hoặc được định vị là khu vực có rừng cây biến đổi gen vì mục đích thương mại.

IKEA cũng quy định các nhà cung cấp chỉ được sử dụng các loài gỗ nằm trong danh mục các loài đã được IKEA phê duyệt. Những loài này phải được xác minh nguồn gốc và tuân thủ những yêu cầu tối thiểu về nguyên liệu. Đối với những loài cây khác IKEA chỉ chấp nhận nhà cung cấp sử dụng khi trước đó đã có văn bản xác nhận của nhân viên phụ trách lâm nghiệp thuộc văn phòng thương mại IKEA. Theo chính sách của IKEA, các loài gỗ có nguồn gốc từ rừng nhiệt đới có giá trị cao chỉ được sử dụng khi có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC và quá trình chế biến gỗ phải đi qua chuỗi hành trình sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ bởi quy trình FM/CoC (Chain of Custody).

Đối với các nhà cung cấp tại Việt Nam, IKEA quy định từ ngày 01/01/2017 tất cả các nhà cung cấp của IKEA bắt buộc phải sử dụng 100% nguồn gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC.

Quyền lợi và nghĩa vụ của IKEA và nhà cung cấp

Trách nhiệm và quyền lợi của IKEA và nhà cung cấp (Bảng 1) được thể hiện rõ ràng trong Thỏa thuận hợp tác chiến lược được và hợp đồng / đơn đặt hàng hàng năm được kí kết giữa 2 bên.

Bảng 1. Quyền lợi và nghĩa vụ của IKEA và nhà cung cấp

Quyền lợi và nghĩa vụ	IKEA	Nhà cung cấp
Quyền lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Có được nguồn cung sản phẩm có chứng chỉ FSC ổn định; giảm thiểu rủi ro trong việc sử dụng nguồn gỗ nguyên liệu bất hợp pháp. - Tạo được hệ thống niềm tin trong toàn bộ chuỗi cung, giảm chi phí giám sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Được IKEA cho vay vốn hoặc tạm ứng trước tiền hàng nếu có nhu cầu - Được IKEA hỗ trợ xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp chất lượng cao, phù hợp với các yêu cầu của IKEA và đáp ứng được hầu hết các đòi hỏi về chất lượng của người mua khác - Đảm bảo đơn hàng trong dài hạn (theo chu kỳ 3-5 năm) - Uy tín, năng lực sản xuất và cạnh tranh, giá trị thương hiệu tăng
Nghĩa vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo bao tiêu ổn định và lâu dài toàn bộ các sản phẩm nhà cung cấp sản xuất ra - Hỗ trợ kỹ thuật và kỹ năng quản trị cho nhà cung cấp (qua bên thứ 3) - Cung cấp vốn cho nhà cung cấp khi có yêu cầu - Thực hiện hoạt động giám sát và kiểm toán đối với nhà cung cấp và hệ thống xưởng xẻ nằm trong chuỗi cung sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cung cấp sản phẩm có chứng chỉ FSC đúng số lượng, chủng loại, chất lượng và thời gian - Đảm bảo hàng năm tăng sản lượng sản phẩm hàng năm, bằng việc tăng hiệu quả sản xuất mà không phải tăng quy mô sản xuất (ví dụ không mở rộng nhà máy, đội ngũ lao động) - Đảm bảo không có sự biến động về giá cả sản phẩm

Mối liên kết giữa IKEA và nhà cung cấp rất chặt chẽ. Hai bên đã có sự tin tưởng lẫn nhau, nhằm đảm bảo liên kết bền vững. Theo thông tin từ một số nhà cung cấp của IKEA, mức lãi suất mà nhà cung cấp đạt được từ hợp tác với IKEA đạt khoảng 5-10%.² Mức lãi suất này thấp hơn so với mức lãi suất mà các nhà cung cấp đạt được từ việc giao dịch với những người mua hàng khác (phổ biến ở mức 10-20%). Đối lại, lợi ích mà nhà cung cấp có được từ hợp tác với IKEA là những đơn hàng ổn định trong chu dài hạn (3-5 năm). Bên cạnh những đơn hàng ổn định là các hỗ trợ về mặt kỹ thuật mà Tập đoàn

² Doanh nghiệp được phỏng vấn cho rằng lợi nhuận ròng trên mỗi sản phẩm bán cho IKEA chỉ 4-5%.

IKEA dành cho nhà cung cấp nhằm xây dựng năng lực cho nhà cung cấp của mình. Với các năng lực này, các nhà cung cấp của IKEA có thể sản xuất ra các sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của các thị trường xuất khẩu khác nhau.

3.2. Liên kết giữa các nhà cung cấp của IKEA và các hộ trồng rừng

Để có nguồn cung gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC ổn định để sản xuất sản phẩm cho IKEA, một số nhà cung cấp của IKEA đã liên kết với các hộ trồng rừng để phát triển nguồn gỗ có chứng chỉ FSC.³ Trong liên kết này, các công ty chế biến ký hợp đồng hợp tác với các hộ hiện đã có các diện tích rừng trồng. Hợp đồng này không phải là hợp đồng riêng với từng hộ mà là với nhóm hộ, được đại diện bởi một thành viên trong nhóm. Điều này có nghĩa rằng trước khi hợp đồng được ký kết, các hộ đã được tổ chức thành nhóm hoặc thành các hợp tác xã, thông thường có sự trợ giúp từ các dự án/tổ chức bên ngoài (xem Phần 3.4, 3.5). Chi tiết về trách nhiệm và nghĩa vụ của công ty và các hộ được mô tả tại Bảng 2.

Bảng 2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của nhà cung cấp và các hộ trồng rừng

Quyền lợi và nghĩa vụ	Công ty chế biến gỗ	Hộ trồng rừng
Quyền lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Có nguồn gỗ nguyên liệu ổn định, đáp ứng được các yêu cầu hợp pháp và bền vững về sản phẩm của IKEA - Chủ động được nguồn nguyên liệu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu 	<ul style="list-style-type: none"> - Được tiếp cận với các hỗ trợ về nguồn vốn ưu đãi tư lãi suất thấp hoặc không lãi suất, nhằm kéo dài chu kỳ sinh trưởng của rừng trồng, tạo nguồn nguyên liệu gỗ lớn, có giá trị kinh tế cao - Được tiếp cận với các hỗ trợ kỹ thuật khoa học công nghệ mới trong phát triển rừng trồng, nhằm tăng năng suất rừng, giảm thiểu hoặc loại bỏ các tác động tiêu cực về con người và môi trường do các tập quán canh tác cũ gây ra (ví dụ sử dụng hóa chất độc hại, canh tác gây xói mòn đất, thiếu các hình thức và thiết bị bảo vệ khi trồng, chăm sóc và khai thác rừng...) - Có thị trường đầu ra ổn định cho nguồn gỗ khai thác
Nghĩa vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kinh phí cho việc hình thành và hoạt động của các nhóm hộ (ví dụ các hoạt động hội họp, theo dõi diễn biến rừng) - Cung cấp nguồn tín dụng lãi suất thấp hoặc không lãi suất cho các hộ trong nhóm nhằm kéo dài chu kỳ của rừng trồng - Hướng dẫn kỹ thuật hộ trong việc tuân thủ với các yêu cầu của quản lý rừng bền vững FSC - Tài trợ chi phí cho việc đánh giá để cấp chứng chỉ - Cam kết mua gỗ khi khai thác với giá cao hơn mức giá thị trường tại thời điểm khai thác 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo gỗ đạt chứng chỉ - Kéo dài chu kỳ cây nhằm tạo nguồn gỗ lớn - Ưu tiên bán gỗ cho công ty chế biến tham gia liên kết

³ Nguồn cung gỗ có chứng chỉ FSC cho các Công ty chế biến trong nước bao gồm và chủ yếu hiện nay từ nhập khẩu và từ các Công ty Lâm nghiệp Nhà nước trồng rừng nguyên liệu. Trong phạm vi của nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu chỉ tập trung vào phân tích mô hình liên kết với IKEA với các bên liên quan là Công ty chế biến đồ gỗ và hộ gia đình trồng rừng nguyên liệu.

3.3. Liên kết giữa các nhà cung cấp của IKEA và xưởng xẻ CoC

Nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào không bị lẫn giữa nguồn gỗ có FSC và nguồn không có FSC, một số nhà cung cấp của IKEA đầu tư xây dựng các xưởng xẻ CoC tại vùng cung cấp gỗ nguyên liệu có chứng chỉ, hoặc cung cấp máy móc, vốn và hỗ trợ kỹ thuật cho một số xưởng xẻ tại địa phương. Nguyên liệu (gỗ tròn) sau khi được sơ chế (gỗ tinh, được xẻ theo quy cách của nhà máy chế biến) được vận chuyển đến các nhà máy chế biến, làm nguồn nguyên liệu đầu vào của chế biến. Điều này giúp công ty giảm chi phí vận chuyển nguyên liệu.

Nguyên liệu đầu vào của xưởng xẻ là nguồn gỗ rừng trồng có chứng chỉ của các hộ tham gia trong liên kết với các nhà cung cấp của IKEA. Xưởng xẻ không có hoạt động hợp tác với các hộ trồng rừng. Kết nối giữa xưởng và các hộ được thực hiện thông qua công ty. Để trở thành xưởng xẻ sơ chế nguyên liệu cho các nhà cung cấp của IKEA, các xưởng này cần đáp ứng được toàn bộ các tiêu chuẩn về xưởng xẻ FSC CoC, đảm bảo toàn bộ các khâu trong quá trình sơ chế được kiểm soát chặt chẽ, không xảy ra rủi ro lẫn trộn nguồn nguyên liệu đầu vào không rõ nguồn gốc trong cả quá trình. Vai trò của xưởng xẻ chỉ đơn thuần là gia công chế biến cho các nhà cung cấp của IKEA, với lợi ích thu được được tính toán dựa trên mỗi đơn vị gỗ nguyên liệu đầu vào (hoặc đầu ra) của quá trình sơ chế.

3.4. Vai trò của chính quyền địa phương trong liên kết

Chính quyền địa phương có vai trò quan trọng, trực tiếp tham gia vào việc hình thành mô hình liên kết. Chính quyền thực hiện tuyên truyền quảng bá về mô hình, tham gia vận động, xúc tiến, hỗ trợ hình thành các nhóm hộ trồng rừng. Tại các địa bàn có mô hình liên kết, chính quyền cấp tỉnh thường là cơ quan tham vấn hoặc chỉ đạo về địa điểm thực hiện mô hình. Dưới sự chỉ đạo của chính quyền cấp tỉnh, cán bộ cấp huyện, xã, thôn tham gia nhiều hoạt động, từ việc cử người tổ chức hay tham gia các cuộc họp cấp thôn, xã để quảng bá mô hình, đến việc tài trợ một phần kinh phí cho các hoạt động quảng bá này. Chính quyền địa phương cũng phê chuẩn việc thành lập các nhóm hộ và người đại diện các nhóm này. Ở một số địa phương, chính quyền giao cho các cơ quan chức năng của mình, như Cơ quan lâm nghiệp hoặc Hội Nông dân, làm đại diện cho các nhóm hộ trồng rừng, tham gia kí kết hợp đồng với các nhà cung cấp của IKEA và là cơ quan đầu mối cho các hoạt động liên quan đến thực hiện chứng chỉ.

3.5. Hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài

Đến nay tại Việt Nam, hầu hết các mô hình nhóm hộ làm chứng chỉ rừng FSC tại các địa phương đều có sự hỗ trợ về kinh phí và kỹ thuật của các tổ chức bên ngoài, như hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ (SDC) và của Tập đoàn IKEA thông qua tổ chức WWF cho các hoạt động hỗ trợ hộ làm chứng chỉ tại Quảng Trị, hay hỗ trợ của Tổ chức Nông Lương thế giới (FAO) thông qua Hội Nông dân cho các hoạt động của các hộ trồng rừng tại Yên Bái, hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới thông qua Dự án WB3 (do Ban Quản lý Dự án Lâm nghiệp cấp tỉnh triển khai) cho các hộ trồng rừng tại Quy Nhơn. Các hỗ trợ này tập trung vào việc cung cấp các hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn các hộ trồng rừng tuân thủ nghiêm ngặt các khâu của quy trình, từ trồng đến khai thác, nhằm đảm bảo hộ tuân thủ các yêu cầu của FSC đưa ra. Bên cạnh đó, các hỗ trợ của các tổ chức này còn tập trung vào việc hình thành và vận hành nhóm hộ, kết nối giữa các hộ với các công ty chế biến. Các chi phí có liên quan đến các hỗ trợ này không nằm trong Báo cáo.

4. Mô hình liên kết giữa Công ty chế biến gỗ và Hộ trồng rừng

4.1. Liên kết giữa NAFOCO và các hộ trồng rừng tại Yên Bái

Tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Gỗ Nam Định (NAFOCO) là một trong những nhà cung cấp sản phẩm gỗ lớn nhất cho Tập đoàn IKEA. Hiện NAFOCO có 4 nhà máy sản xuất tại Nam Định, với

khoảng 3.200 lao động. Khoảng 90% các sản phẩm của NAFOCO được xuất khẩu cho Tập đoàn IKEA. Năm 2016, tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm gỗ của NAFOCO đạt khoảng 36 triệu USD.

Nhằm phát triển nguồn nguyên liệu rừng trồng FSC, NAFOCO tiến hành làm việc với chính quyền tỉnh Yên Bái và có được sự hậu thuẫn của tỉnh. Cụ thể, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN & PTNT) ra quyết định cho phép việc thực hiện chứng chỉ rừng FSC theo hình thức nhóm hộ trong địa bàn tỉnh.⁴ Sở cũng lựa chọn địa bàn huyện Yên Bình làm nơi thực hiện thí điểm mô hình chứng chỉ nhóm hộ, bắt đầu từ tháng 4 năm 2016, với quy mô thí điểm khoảng 1.000 – 3.000 ha. Hội Nông dân huyện Yên Bình được tỉnh giao làm đầu mối phối hợp với Ủy ban Nhân dân (UBND) các xã tổ chức các hộ gia đình có sẵn các diện tích rừng trồng có nguyện vọng tham gia mô hình rừng có chứng chỉ FSC thành các nhóm hộ. Các nhóm hộ có tên gọi Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Yên Bình, do Chủ tịch Hội Nông dân huyện làm Trưởng đại diện.

Đến nay, mô hình liên kết này có tổng cộng 494 hộ tại 53 thôn thuộc 5 xã của huyện Yên Bình tham gia.⁵ Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC là 1.737 ha,⁶ toàn bộ là rừng trồng là rừng sản xuất, trong đó chủ yếu là Keo Tai tượng (1.637 ha, chiếm 94,3% tổng diện tích được cấp chứng chỉ); còn lại là Bồ đề và Bạch đàn.⁷ Chi phí hỗ trợ các hộ nhằm tuân thủ với các yêu cầu của FSC được hỗ trợ một phần bởi Chương trình Rừng và Trang trại (Farm and Forest Facility) của FAO, thông qua Hội Nông dân. Sau khi đã đáp ứng các tiêu chí, Hội nông dân đã mời Công ty tư vấn GFA thực hiện đánh giá⁸. Toàn bộ chi phí đánh giá ban đầu (\$8.000 US) được NAFOCO chi trả. Diện tích rừng nêu trên đã được FSC cấp chứng chỉ từ ngày 04/11/2016 với thời hạn 5 năm. Bên cạnh việc hỗ trợ chi phí đánh giá, NAFOCO còn hỗ trợ một phần kinh phí trang thiết bị văn phòng cho Ban đại diện nhóm (khoảng 120 triệu đồng), cam kết hỗ trợ vốn hoặc tạm ứng cho các hộ trồng Keo chứng chỉ từ năm thứ 6 trở đi nhằm tạo nguồn nguyên liệu gỗ lớn. Công ty cũng cam kết sẽ mua gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC cao hơn ít nhất 10% so với giá bán trung bình cùng loại trên thị trường vào thời điểm giao dịch. Tháng 12/2016, tức ngay sau khi được cấp chứng chỉ, một hộ gia đình tham gia Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng Yên Bình đã khai thác 1,5 ha rừng Keo 9 tuổi bán cho Công ty NAFOCO.⁹ Giữ đúng cam kết, NAFOCO mua mỗi m³ gỗ có đường kính đầu nhỏ từ 14 cm trở lên cao hơn 150.000 đồng. Ngoài ra NAFOCO còn hỗ trợ thêm 100.000 đồng tiền vận chuyển cho mỗi m³ gỗ Công ty thu mua, từ rừng đến Xưởng xẻ CoC (đóng trên địa bàn). So sánh với giá bán gỗ không có chứng chỉ tại thời điểm giao dịch với gỗ cùng kích thước là 1,4 triệu đồng / m³, NAFOCO đã trả cao hơn 10,7% (chưa tính tiền hỗ trợ vận chuyển), hay 17,9% (nếu tính cả tiền hỗ trợ vận chuyển).

Hiện NAFOCO đang tích cực hợp tác với các hộ tại các địa bàn như Hòa Bình, Thanh Hóa, Quảng Ninh nhằm mở rộng diện tích rừng trồng có chứng chỉ, tạo nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào của quá trình sản xuất. NAFOCO đã tự bỏ kinh phí tương đương gần 1 triệu USD để đầu tư cho các hộ trồng rừng tại Hòa Bình, nhằm giúp các hộ đáp ứng với các yêu cầu mà FSC đòi hỏi.

⁴ Quyết định 988/SNN-NLN ngày 16/11/2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Yên Bái về việc thực hiện chứng chỉ rừng FSC cho các hộ gia đình, các gia đình và các nhóm hộ ở tỉnh Yên Bái.

⁵ Các xã có các diện tích tham gia bao gồm Đại Đồng, Phú Thịnh, Tân Hương, Thịnh Hưng và thị trấn Yên Bình.

⁶ Tổng diện tích đề nghị cấp chứng chỉ FSC ban đầu là hơn 2.000 ha thuộc 627 hộ. Diện tích đủ điều kiện được cấp chứng chỉ FSC thực tế là 1.737,5 ha, thuộc 614 hộ. Một số hộ với diện tích nhỏ được nhóm lại do 1 hộ làm đại diện, do vậy hồ sơ đánh giá của GFA chỉ có 494 hộ.

⁷ Trong số các hộ tham gia các nhóm trồng rừng FSC này có khoảng 60 hộ với diện tích khoảng 200 ha là diện tích các hộ nhận khoán trồng rừng với 2 Công ty là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp (TNHH MTV LN) Yên Bình và Công ty TNHH MTV LN Thác Bà (phần lớn là các hộ cán bộ công nhân viên của 2 Công ty).

⁸ Thông tin về Công ty GFA tham khảo tại: http://www.gfa-cert.com/index_vn.html

⁹ Xưởng xẻ Trường Thành—là xưởng xẻ CoC đóng trên địa bàn huyện Yên Bình có hợp tác và được NAFOCO cung cấp máy móc và hỗ trợ kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu của FSC—thay mặt NAFOCO đứng ra mua gỗ của hộ dân. Gỗ đã mua được vận chuyển về Xưởng để sơ chế trước khi chuyển về NAFOCO.

4.2. Liên kết giữa công ty Woodland và các hộ trồng rừng tại Tuyên Quang

Công ty Woodland¹⁰ cũng đang hợp tác với nhiều hộ trồng rừng, bao gồm nhiều hộ tại Tuyên Quang, nhằm phát triển nguồn gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC. Woodland bắt đầu trở thành nhà cung cấp chính của IKEA tại Việt Nam từ tháng 4 năm 2014. Hiện Công ty có 4 nhà máy sản xuất chính với 1.300 công nhân. Bình quân mỗi tháng Woodland xuất khẩu khoảng 50 container sản phẩm gỗ cho IKEA.

Tại Tuyên Quang, được sự đồng ý của UBND tỉnh, UBND huyện Yên Sơn và UBND các xã Công Đa, Phú Thịnh, và Tiến Bộ của huyện, trong năm 2016 Woodland đã ký thỏa thuận liên kết trồng Keo có chứng chỉ FSC với 197 hộ dân (chủ yếu người Kinh, một số hộ người Tày và Nùng) tại 3 xã này. Công ty đã hỗ trợ toàn bộ kinh phí đánh giá cấp chứng chỉ FSC cho diện tích 848,09 ha và ngày 06/12/2016 FSC đã chính thức cấp chứng chỉ cho diện tích này.¹¹

4.3. Liên kết giữa Công ty Scansia Pacific và các hộ trồng rừng tại Quảng Trị

Công ty Scansia Pacific cũng là nhà cung cấp của IKEA tại Việt Nam. Hiện công ty có 3 nhà máy chuyên chế biến đồ gỗ xuất khẩu đóng tại thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Thừa Thiên Huế, với tổng số khoảng 2.000 công nhân. Năm 2016 kim ngạch xuất khẩu của Công ty đạt 32 triệu USD, trong đó bao gồm 25 triệu USD là các sản phẩm xuất cho Tập đoàn IKEA.

Tại Quảng Trị, với sự hỗ trợ của Tổ chức SDC và Tập đoàn IKEA, thông qua tổ chức WWF, 564 hộ trồng rừng tại 7 huyện, thị xã và thành phố¹² đã nhận được sự hỗ trợ để thực hiện việc trồng rừng có chứng chỉ. Mô hình nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ tại đây vẫn đang tiếp tục được mở rộng. Từ năm 2016, công ty Scansia Pacific đã ký thỏa thuận bao tiêu nguồn gỗ nguyên liệu với các nhóm hộ trồng rừng. Công ty đã tài trợ cho các nhóm hộ ở đây một phần chi phí đánh giá cấp chứng chỉ FSC cho 1.392 ha rừng trồng (100% Keo).¹³ Công ty cũng cam kết cho các hộ dân trồng Keo có chứng chỉ FSC có tuổi cây Keo từ năm thứ 6 trở đi, vay tối đa 4 triệu đồng / ha / năm, với lãi suất thấp hơn 0,2%/năm so với mức lãi suất trung bình năm của các ngân hàng thương mại trong nước tại thời điểm vay. Mục đích của việc cho các hộ vay là nhằm giúp các hộ này có nguồn lực tài chính để kéo dài chu kỳ trồng cây, tạo nguồn gỗ lớn. Các hộ vay vốn phải hoàn trả số tiền vay và lãi vay một lần khi khai thác và bán gỗ. Công ty cam kết mua gỗ Keo có chứng chỉ FSC cao hơn tối thiểu từ 15-18% so với giá thị trường của gỗ không có chứng chỉ tại thời điểm giao dịch.

Hộp 1. Một số thông tin về Nhóm hộ trồng rừng FSC tỉnh Quảng Trị¹⁴

‘Nhóm Chứng chỉ rừng Quảng Trị’ (CCR) là các hộ tại 17 xã/thị trấn thuộc 7 huyện/thị xã/thành phố của tỉnh Quảng Trị, được FSC cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững chính thức (lần đầu) từ ngày 17/09/2010. Tổng diện tích rừng được cấp chứng chỉ lại ngày 17/09/2015 là 1.392,39 ha (hộ nhiều nhất 31,7 ha, ít nhất 0,3 ha) với 529 thành viên, là rừng trồng sản xuất với ba loài cây là Keo lá tràm, Keo lai và Keo tai tượng. Nhóm Chứng chỉ rừng Quảng Trị có được chứng chỉ FSC nhờ sự hỗ trợ xây dựng bởi Dự án kinh doanh lâm sản và quản lý rừng bền vững (do KfW tài trợ, tổ chức WWF GTFN Việt Nam thực hiện, WWF Việt Nam quản lý).

Keo (Keo lai, Keo tai tượng, và Keo lá tràm) là giống cây được trồng trên diện tích này, trong đó Keo

¹⁰ Chi tiết thông tin về Công ty Woodland tham khảo tại địa chỉ: <http://www.woodland.vn/Main.aspx?f=About&op=2&p=8&l=2>

¹¹ Bên cạnh việc hợp tác với các hộ trồng rừng, Woodland cũng hợp tác với 5 Công ty Lâm nghiệp Nhà nước (CTLN) tại tỉnh Tuyên Quang nhằm phát triển nguồn gỗ rừng trồng có chứng chỉ. Hiện tổng cộng diện tích rừng có chứng chỉ của 5 Công ty này đạt 11.462 ha (CTLN Chiêm Hóa (huyện Chiêm Hóa) 5.514 ha; CTLN Sơn Dương (huyện Sơn Dương) 2.480 ha, CTLN Yên Sơn 1.722 ha, CTLN Tuyên Bình 1.419 ha, và CTLN Nguyễn Văn Trỗi 326 ha (huyện Yên Sơn).

¹² Danh sách cập nhật năm 2016: Huyện Vĩnh Linh: xã Vĩnh Thủy, Vĩnh Tú, Vĩnh Sơn; Huyện Gio Linh: xã Trung Sơn; Huyện Triệu Phong: xã Triệu Ái, Triệu Đông; Huyện Hải Lăng: xã Hải Phú, Hải Chánh, Hải Sơn; Huyện Cam Lộ: xã Cẩm Thủy, xã Cam Tuyền, Cam Chính, Cam An, Cam Nghĩa, thị trấn Cam Lộ; Thành phố Đông Hà: phường Đông Thanh; Thị xã Quảng Trị: phường An Đôn. Tổng diện tích được cấp chứng chỉ FSC đến 2016 là 1.722,40 ha.

¹³ Cấp lại lần 2, từ tháng 9/2015.

¹⁴ Phỏng vấn trực tiếp, Nhóm hộ trồng rừng chứng chỉ FSC, thôn Kinh Môn, xã Trung Sơn, huyện Gio Linh, Quảng Trị. Tháng 10/2016. Và nguồn: Báo cáo Đánh giá FM. Đánh giá cấp lại chứng chỉ – Tổng kết công khai. Hiệp hội Nhóm chứng chỉ rừng hộ gia đình Quảng Trị. GFA Certification. Đánh giá ngày 12-14/8/2015.

tai tượng có diện tích lớn nhất. Nhóm trồng từ 1.600-2.000 cây / ha, chu kỳ khai thác 8-11 năm, tỉa thưa loại khoảng 600 cây 1 lần vào năm thứ 5, thu khoảng 20 tấn bán băm dăm (thu lãi 10-12 triệu đồng sau khi trừ chi phí khai thác, vận chuyển,...).

Nhóm CCR Quảng Trị thỏa thuận cung cấp gỗ có chứng chỉ với Công ty chế biến gỗ Thanh Hòa (trước đây) và Scansia Pacific (hiện nay). Công ty Thanh Hòa trước đây cam kết thu mua gỗ xẻ cao hơn 20 USD/m³; Scansia Pacific cam kết thu mua cao hơn 15-18% so với giá thị trường gỗ cùng kích thước không có chứng chỉ FSC.

Một phần diện tích rừng sau khi được cấp chứng chỉ đã được khai thác: năm 2010 bán 35 ha chu kỳ 8 năm và 4 ha chu kỳ 11 năm; năm 2013 bán 11 ha chu kỳ 10 năm. Nhóm dự kiến bán 14 ha chu kỳ 8 năm trong năm 2017.

Năng suất: Trung bình 1 ha Keo tai tượng giâm hom (mua hạt giống trực tiếp từ Úc) chu kỳ khai thác 10 năm 100 tấn gỗ xẻ và khoảng 40-50 tấn gỗ dăm.

So sánh với trồng rừng không có chứng chỉ, lợi nhuận từ 1 ha rừng có chứng chỉ FSC cao hơn khoảng 20 triệu đồng so với rừng cùng tuổi (8-10 năm).

4.4. Động lực mở rộng của mô hình liên kết giữa công ty và hộ trồng rừng

Các yêu cầu về 100% sản phẩm gỗ được làm từ gỗ FSC là động lực quan trọng để các nhà cung cấp của IKEA thực hiện liên kết với các hộ trồng rừng. Mô hình liên kết đang ngày càng được mở rộng.¹⁵ Cụ thể, tính đến tháng 3/2017 NAFOCO đã đàm phán thành công và ký thỏa thuận trồng rừng có chứng chỉ FSC với các nhóm hộ dân tại Quảng Ninh, Hòa Bình, Lào Cai và Thanh Hóa, với diện tích tăng thêm (ngoài Yên Bái) là 21.224 ha.¹⁶

Bên cạnh việc liên kết với các hộ trồng rừng tại Quảng Trị, Công ty Scansia Pacific cũng mở rộng mô hình liên kết với nhóm hộ tại Thừa Thiên Huế. Công ty đã có kế hoạch triển khai đánh giá FSC tại Thừa Thiên Huế trong tháng 10/2016, và dự kiến sẽ có thêm 1.000 ha rừng trồng Keo theo mô hình liên kết với nhóm hộ tại đây được cấp chứng chỉ FSC trong tháng 11/2016.

Như vậy, mô hình trồng rừng gỗ lớn có chứng chỉ FSC là mô hình liên kết giữa Tập đoàn IKEA, công ty chế biến và nhóm hộ trồng rừng. Mô hình hình thành dựa trên yêu cầu của thị trường đối với các sản phẩm gỗ hợp pháp và bền vững. Yêu cầu này được chuyển ngược lại tới khâu cuối cùng của chuỗi cung là người trồng rừng. Liên kết giúp cho các bên tham gia mô hình phát huy được các thế mạnh của mình và giúp giảm thiểu được các hạn chế của từng bên. Mô hình có sự tham gia hỗ trợ của chính quyền địa phương, thông qua các định hướng, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển mô hình tại địa phương trong tương lai. Phần 5 dưới đây sẽ mô tả một số khía cạnh về hiệu quả của mô hình liên kết này.

¹⁵ NAFOCO ký Thỏa thuận mới với IKEA năm 2016 trong thời hạn 3 năm; Scansia Pacific ký thỏa thuận với IKEA trong 5 năm.

¹⁶ Cụ thể, tại Uông Bí (Quảng Ninh) 5.718 ha; Hoàn Bồ (Quảng Ninh) 6.983 ha; Hòa Bình 2.788 ha; Lào Cai 3.735 ha; Thanh Hóa 2.000. Tại Hòa Bình, NAFOCO xúc tiến đàm phán với hộ dân để mở rộng diện tích trồng rừng có chứng chỉ FSC tại tất cả các huyện.

Do nhu cầu đối với gỗ có chứng chỉ FSC tăng cao (do Thỏa thuận 3 năm với IKEA), ngoài thỏa thuận với các nhóm hộ, NAFOCO cũng đã và đang xúc tiến các thỏa thuận với một số Công ty Lâm nghiệp trồng rừng nguyên liệu như Công ty TNHH MTV LN Bảo Yên (Lào Cai) 3.500 ha, CTLN Tiên Yên (Quảng Ninh) 3.700 ha; CTLN Uông Bí (Quảng Ninh) 3.400 ha.

5. Hiệu quả của mô hình liên kết

5.1. Hiệu quả về mặt kinh tế của mô hình

Đối với các công ty chế biến

Thông tin thu thập từ một số nhà cung cấp của IKEA cho thấy khi hợp tác sản xuất sản phẩm theo mô hình liên kết này lợi nhuận ròng (sau thuế) trên mỗi sản phẩm trung bình từ 4-5%.¹⁷ Đây là mức lợi nhuận được các công ty chế biến cho là thấp hơn nhiều so với lợi nhuận từ các đơn hàng với đối tác khác (tỷ lệ lợi nhuận ròng trung bình từ 15-20%). Mặc dù lợi nhuận trên mỗi đầu sản phẩm như nêu trên là khá thấp, các hợp đồng với IKEA thường có khối lượng lớn nên xét về giá trị các công ty này vẫn thu được lợi nhuận lớn. Như trường hợp Công ty NAFOCO, năm 2016 Công ty có đơn hàng với IKEA trị giá khoảng 32,5 triệu USD, như vậy khoản lợi nhuận mà công ty thu được khoảng 1,3-1,6 triệu USD. Công ty Scansia Pacific năm 2016 cũng có đơn hàng với IKEA trị giá 25 triệu USD, tương ứng với khoản lợi nhuận khoảng 1-1,25 triệu USD.

Khác với các đơn hàng của các đối tác khác với đặc điểm tính không ổn định cao, làm cho doanh nghiệp chế biến khó chủ động được phương án sản xuất kinh doanh, các đơn hàng của IKEA có độ ổn định rất cao. Tính ổn định của đơn hàng từ IKEA giúp các nhà cung cấp có được kế hoạch sản xuất ổn định và dài hạn. Với các đơn hàng này, các nhà cung cấp cho IKEA có thể định hướng phát triển như đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ, tuyển dụng và đào tạo lao động, xác định đối tác mới và mở rộng vùng nguyên liệu tốt hơn. Bên cạnh đó, các sản phẩm do IKEA đặt hàng thường có mẫu mã đơn giản, và ít có thay đổi về mẫu mã. Điều này giúp giảm chi phí đầu tư cho doanh nghiệp.

Cam kết hợp tác lâu dài của IKEA cũng giúp các nhà cung cấp yên tâm khi đầu tư làm chứng chỉ FSC cho các vùng nguyên liệu của mình.

Mặc dù nhà cung cấp cho IKEA có những lợi ích nêu trên, mô hình liên kết với IKEA cũng tồn tại một số mặt hạn chế. Cụ thể, do yêu cầu vốn và năng lực sản xuất lớn, việc trở thành nhà cung cấp đồ gỗ cho IKEA chỉ phù hợp với các công ty chế biến có năng lực tài chính tốt và quy mô sản xuất lớn.

Các yêu cầu về chứng chỉ chuỗi hành trình sản phẩm CoC cũng khiến các doanh nghiệp chế biến phải chi phí nhiều hơn để sắp xếp tổ chức sản xuất trong nội bộ nhà máy của mình theo tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp cho IKEA phải đầu tư xây dựng hoặc hỗ trợ xây dựng các xưởng xẻ CoC, và hỗ trợ cho các nhóm hộ trồng rừng đảm bảo cho việc đạt được chứng chỉ FSC. Công ty NAFOCO và Scansia Pacific đã phải hỗ trợ chi phí đánh giá cấp chứng chỉ cho các nhóm hộ dân tham gia liên kết tại Yên Bái, Quảng Trị (khoảng 8.000 Đô la Mỹ cho mỗi lần đánh giá). NAFOCO tài trợ 120 triệu đồng trang thiết bị văn phòng cho Ban đại diện nhóm hộ tại Yên Bái và chấp nhận ứng trước 200.000 đồng / ha cho các nhóm hộ tại Thanh Hóa để nhận được thỏa thuận liên kết cung cấp gỗ nguyên liệu. Scansia Pacific cam kết cho vay lãi suất ưu đãi (thấp hơn 0,2%/năm so với lãi suất ngân hàng thương mại) đến 4 triệu đồng / ha cho với những hộ giữ rừng trồng từ năm thứ 6 trở đi.

Tuy nhiên mô hình liên kết luôn tồn tại những rủi ro đối với các công ty, bởi hộ trồng rừng sẽ là người quyết định bán gỗ cho ai và bán khi nào. Thỏa thuận hợp tác với các hộ không có tính ràng buộc chặt chẽ về mặt pháp lý trong việc hộ sẽ bán gỗ cho công ty khi gỗ được khai thác. Nói cách khác, những khoản đầu tư của công ty luôn đi kèm với một số rủi ro, với các rủi ro này mang tính đặc trưng của liên kết với các hộ trồng rừng quy mô nhỏ.

Đối với các hộ gia đình trồng rừng

Bảng 3 chỉ ra hiệu quả của hộ trong việc tham gia trồng rừng, trong đó so sánh hiệu quả của mô hình trồng rừng có và không có chứng chỉ FSC. Các thông số trong Bảng 3 được thu thập thông qua khảo

¹⁷ Nhóm nghiên cứu không tiếp cận được cách xây dựng giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

sát thực địa tại một số địa bàn Quảng Trị và Yên Bái. Trong Bảng 3, các thông tin về mô hình trồng rừng không có chứng chỉ FSC tại Yên Bái chỉ có ý nghĩa tham khảo.

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế trồng rừng nguyên liệu có chứng chỉ và không có chứng chỉ FSC của hộ gia đình

Mô hình	Hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC tại Quảng Trị #		Hộ trồng rừng không có chứng chỉ FSC tại Yên Bái *	
Nguồn cây giống	Keo tai tượng giống Úc giâm hom		Keo lai	
Mật độ trồng	1.330-2.000 gốc/ha		1.600-2.200 gốc/ha	
Chu kỳ khai thác	10 năm		7 năm	
Chỉ tiêu	Giá trị trên 1 ha (triệu đồng)	Ghi chú	Giá trị trên 1 ha (triệu đồng/ha)	Ghi chú
Thu từ cây nông nghiệp trồng xen với cây lâm nghiệp trong 2 năm đầu	-		2 - 3	Xen ngô, sắn, bí, đậu
Thu từ bán gỗ tĩa thưa năm thứ 3 hoặc 4	-		10 - 12	Giữ lại khoảng 1,200 cây/ha. Giá bán cây tĩa thưa 0,8-0,9 triệu đồng / tấn
Thu từ bán gỗ tĩa thưa năm thứ 5 hoặc 6	10 - 12	Tĩa thưa 400-600 cây/ha	12 - 16	Giữ lại khoảng 900-1.000 cây/ha. Giá bán cây tĩa thưa 0,9 triệu đồng/tấn
Thu từ bán gỗ cuối chu kỳ	157,5 - 181	10 năm, tổng thu 90-100 m ³ bán làm gỗ xẻ đường kính đầu nhỏ từ 10 cm trở lên và 30-40 m ³ dăm . Tỷ lệ bán gỗ xẻ/dăm gỗ khi khai thác khoảng 70% / 30%) Giá bán gỗ: - Gỗ đường kính đầu nhỏ >= 14 cm 1,5 triệu đồng/m ³ - Gỗ đường kính từ 10 đến 13,9 cm: 1,4 triệu đồng /m ³ - Gỗ làm dăm: 0,9 triệu đồng /m ³	72 - 96	7 năm, tổng thu 60 - 80 m ³ gỗ quy tròn, giá trung bình 1,2 triệu đồng / m ³
Tổng thu	167,5 - 201		96 - 127	
Tổng chi phí	50,3 - 60,3	Chi phí tương đương khoảng 30%, bao gồm giống, phân bón, trang thiết bị lao động, công lao động và khai thác (thuê ngoài), và vận chuyển; chưa bao gồm công lao động của hộ và chi phí cấp chứng chỉ FSC	32 - 42	Tương đương khoảng 30%, bao gồm giống, phân bón, công lao động và khai thác (thuê ngoài), và vận chuyển; chưa bao gồm công lao động của hộ
Tổng lợi nhuận	117,2 - 140,7	Trong 10 năm	63 - 85	Trong 7 năm

Lợi nhuận trung bình hàng năm	11,7 - 14,1		9 - 12,1	
Lợi nhuận trung bình trên 1 m ³ gỗ	0,84 - 0,94	140-150 m ³ bao gồm cả khối lượng tia thưa, bán gỗ xẻ và bán băm dăm cuối chu kỳ 10 năm	0,7	90-120 m ³ bao gồm cả khối lượng tia thưa, bán gỗ xẻ và bán băm dăm cuối chu kỳ 7 năm

Ghi chú: Thông tin về sản lượng gỗ được cung cấp bao gồm cả tấn và m³. Theo Thông tư 01/2012/BNNPTNT ngày 14/01/2012 của Bộ NN&PTNT về Quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản (Khoản 1, Điều 4 về Xác định số lượng, khối lượng lâm sản): Hệ số quy đổi quy đổi 1.000 kg bằng 1 m³ gỗ tròn. Báo cáo sử dụng một đơn vị (m³) cho nhất quán.

Nguồn: #: Tổng hợp và tính toán từ phỏng vấn các hộ dân trồng rừng FSC đã bán rừng tại Gio Linh (Quảng Trị). Tháng 10/2016; *: Tổng hợp và tính toán từ phỏng vấn các hộ dân trồng rừng thông thường (không có chứng chỉ FSC) tại Gio Linh (Quảng Trị) và Yên Bình (Yên Bái). Tháng 9, 10/2016.

Trong mô hình liên kết giữa nhà cung cấp của IKEA và hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC, công ty cam kết mua toàn bộ gỗ nguyên liệu phù hợp có chứng chỉ FSC của các hộ dân với giá cao hơn tối thiểu 10-18% so với giá trung bình của gỗ cùng loại không có chứng chỉ trên thị trường tại thời điểm giao dịch. Như vậy, nếu tổng lượng gỗ thu được từ mỗi ha rừng trồng là 100 m³ gỗ quy tròn (bao gồm cả lượng gỗ thu được từ tỉa thưa băm dăm/làm nguyên liệu giấy) và giá bán trên thị trường trung bình 1,5 triệu đồng / m³ đối với gỗ không có chứng chỉ (tổng thu 150 triệu/ha), thì gỗ có chứng chỉ FSC sẽ được thu mua với giá 1,65-1,77 triệu đồng/m³ (tổng thu 165-177 triệu đồng / ha), tức các hộ dân sẽ thu thêm 15-27 triệu đồng / ha. Nếu trung bình một hộ gia đình có 3 ha rừng trồng FSC, hộ sẽ thu thêm được từ 45-81 triệu đồng / ha.

Thông tin từ một số hộ trồng rừng FSC tại Quảng Trị cho thấy lợi nhuận trung bình các hộ dân thu được trên 1 ha Keo tai tượng 10 năm tuổi dao động trong khoảng 117-140 triệu đồng. Lợi nhuận trung bình trên một m³ hay 1 tấn gỗ nguyên liệu vào khoảng 0,84-0,94 triệu đồng (xem chi tiết trong Bảng 3).¹⁸

Ở góc độ của hộ trồng rừng, các khoản kinh phí có vai trò quan trọng trong cơ cấu giá của nguồn gỗ rừng trồng của hộ hiện chưa được tính toán bao gồm (i) chi phí cho việc tuân thủ toàn bộ các yêu cầu của FSC từ khâu làm đất, trồng, chăm sóc, bảo vệ cho tới khai thác. Đến nay, thông thường các chi phí này được hỗ trợ bởi các tổ chức bên ngoài, thông qua các dự án, hoặc bởi chính bản thân của các nhà cung cấp của IKEA; (ii) chi phí liên quan đến lao động của hộ, và (iii) chi phí để đánh giá cấp chứng chỉ. Hiện chi phí đánh giá cấp chứng chỉ này thường được các nhà cung cấp của IKEA, là bên trực tiếp mua gỗ của hộ, chi trả.

Chứng chỉ cấp cho các nhóm hộ có hiệu lực trong 5 năm, với chi phí đánh giá khoảng 28.000 USD, bao gồm chi phí đánh giá ban đầu —(khoảng 8.000 USD) và chi phí đánh giá hàng năm trong 4 năm tiếp theo (khoảng 5.000 USD/năm). Chi phí cho việc đánh giá không phụ thuộc nhiều vào diện tích cấp chứng chỉ mà vào lượt/lần đánh giá. Điều này có nghĩa rằng chi phí có liên quan đến tuân thủ các yêu cầu của chứng chỉ và chi phí đánh giá trên 1 đơn vị diện tích rừng trồng sẽ giảm nếu diện tích đánh giá lớn và ngược lại. Nói cách khác, nếu có nhiều hộ gia đình tham gia trong các nhóm hộ, với diện tích rừng góp vào mô hình tăng thì các chi phí này sẽ giảm.

Một số Hội các nhóm hộ trồng rừng FSC (như ở Quảng Trị và Bình Định--nơi đã cung cấp gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC cho các nhà cung cấp của IKEA 5-6 năm nay) đã thống nhất đưa ra quy định về đóng góp của các hộ thành viên lấy kinh phí cho hoạt động thường niên của Hội và để chi trả cho đánh giá hàng năm duy trì chứng chỉ FSC. Hội các nhóm hộ trồng rừng FSC Quảng Trị quy định mỗi thành viên đóng phí hàng năm là 100.000 đồng/hộ thành viên, và khi bán gỗ nguyên liệu mỗi hộ đóng 7% phần giá trị lợi nhuận tăng thêm từ chênh lệch giá bên mua trả cao hơn (trên khoản 10-18%) cho gỗ nguyên liệu có chứng chỉ FSC so với gỗ thông thường/không có chứng chỉ FSC. Theo số liệu Nhóm trồng rừng FSC Quảng Trị, nếu bên mua trả giá cao hơn 15% và lợi nhuận trung bình là 120 triệu đồng/ha (chưa kể các loại chi phí chưa đưa vào cơ cấu giá thành đề cập ở trên), các nhóm hộ trồng rừng chỉ cần khai thác tổng cộng 115 ha/năm là đủ chi phí cấp chứng chỉ FSC khi chỉ dùng kinh phí từ 7% chênh lệch lợi nhuận, hay chỉ 67 ha/năm khi dùng cả nguồn 7% và phí thành viên (100.000 đồng/hộ/năm). Tức là ở điều kiện như đã nêu, Hội các nhóm hộ trồng rừng FSC Quảng Trị cần tối thiểu khoảng 1.150 ha hoặc 670 ha cho chu kỳ khai thác 10 năm là đảm bảo lợi nhuận tốt khi tham gia mô hình liên kết cung cấp gỗ nguyên liệu FSC. Hiện nay Hội các Nhóm hộ trồng rừng FSC Quảng Trị có 1.392,39 ha rừng trồng được cấp chứng chỉ FSC (với 529 hộ thành viên),¹⁹ vượt con số diện tích tối thiểu cần có để đảm bảo bù đắp chi phí và có được lợi nhuận cao hơn so với trồng rừng không có chứng chỉ FSC. Chi tiết xem thêm trong Phụ lục 3.

¹⁸ Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp (2016) tính toán với giá bán gỗ nguyên liệu 1,8 triệu đồng/m³ và chu kỳ khai thác 10 năm, các nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC tại Quảng Trị thu lợi nhuận 1,35 triệu đồng/m³ (đã tính chi phí lao động của hộ vào chi phí sản xuất, nhưng chưa tính chi phí làm chứng chỉ). (Nguồn: 'Một số mô hình liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh rừng trồng khu vực Bắc Trung Bộ' tại Hội thảo 'Giải pháp phát triển mô hình liên kết phù hợp theo chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh gỗ và sản phẩm gỗ rừng trồng,' Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế Lâm nghiệp (thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam tổ chức ngày 21/12/2016 tại Hà Nội.)

¹⁹ Số liệu cập nhật đến 2016, tổng số diện tích đã được cấp chứng chỉ là 1.722,4 ha với 564 thành viên.

Trên thực tế, hiệu quả kinh tế và sinh kế của mô hình liên kết này đối với các hộ trồng rừng FSC phụ thuộc nhiều yếu tố, và giá trị tăng thêm (từ chênh lệch giá bán) chưa chắc đã đem lại lợi nhuận cao hơn so với trồng rừng thông thường (không có chứng chỉ FSC). Cụ thể:

- **Chúng loại gỗ thu mua:** Công ty chế biến chỉ thu mua gỗ nguyên liệu đủ chất lượng và có kích thước lớn: Thỏa thuận liên kết giữa các nhà cung cấp cho IKEA và các hộ trồng rừng gỗ có chứng chỉ tại Yên Bái, Tuyên Quang và Quảng Trị cho thấy các nhà cung cấp chỉ mua gỗ có đường kính lớn (đường kính đầu nhỏ phải từ 14 cm trở lên), gỗ không bị rỗng ruột. Việc tiêu thụ phần còn lại là những cây gỗ nhỏ, chất lượng kém, cành, ngọn các hộ dân phải tự xoay sở. Thông thường những phần gỗ này chỉ được bán làm dăm, nguyên liệu giấy, hay làm củi đun theo giá bán với gỗ không có chứng chỉ, thậm chí giá bán còn thấp hơn so với bán toàn bộ lô gỗ khai thác (cả đường kính lớn, nhỏ).
- **Chu kỳ khai thác dài:** Trồng rừng bán gỗ FSC làm đồ gỗ xuất khẩu đòi hỏi gỗ lớn với chu kỳ dài 8-12 năm (so với 5-7 năm của chu kỳ trồng gỗ không chứng chỉ). Chu kỳ dài đòi hỏi hộ cần nguồn vốn lớn. Điều này có nghĩa rằng mô hình chỉ phù hợp đối với các hộ có nguồn vốn lớn hoặc những hộ có thể tiếp cận với nguồn vốn vay từ bên ngoài. Chu kỳ khai thác dài cộng với quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt cũng ảnh hưởng đến sinh kế trong ngắn hạn của các hộ dân. Trong khi trồng rừng truyền thống các hộ dân thường có thu nhập/nguồn thu tăng thêm từ trồng xen cây nông nghiệp như ngô, sắn, bầu bí,... thời gian đầu (đến 3 năm) khi cây rừng còn nhỏ/chưa khép tán. Trồng rừng có chứng chỉ FSC các hộ có thu nhập sau thời gian dài hơn, và không còn thu nhập từ cây nông nghiệp trồng xen.
- **Khó khăn trong tuân thủ các yêu cầu của FSC:** Các yêu cầu này bao gồm 10 nguyên tắc và 56 tiêu chí bao trùm năm khía cạnh (i) Luật, chính sách và hành chính; (ii) Kỹ thuật về quy hoạch và thực hiện; (iii) Kinh tế; (iv) Văn hóa và xã hội; và (v) Sinh thái/Môi trường. Tuân thủ với các yêu cầu này làm tăng chi phí sản xuất và công lao động (so với trồng rừng không có chứng chỉ).²⁰ Bên cạnh đó, các yêu cầu nghiêm ngặt của trồng rừng có chứng chỉ khó phù hợp với các hộ có tập quán canh tác truyền thống.
- **Quy mô và vị trí của đất trồng rừng:** Thông thường mỗi hộ trồng rừng có chứng chỉ có diện tích 1-3 ha/hộ. Các diện tích này nằm rải rác không liền vùng liền khoảnh và xen kẽ với đất của các hộ không hoặc chưa tham gia trồng rừng có chứng chỉ FSC. Tình trạng đất đai manh mún đồng nghĩa với những rủi ro trong việc tuân thủ các yêu cầu của FSC cũng như các khó khăn trong quá trình khai thác.²¹
- **Tính đa dạng về giống và chất lượng cây giống:** Hiện vẫn tồn tại tình trạng các hộ gia đình trong cùng nhóm trồng rừng có chứng chỉ sử dụng nhiều loại giống cây trồng khác nhau (ví dụ Keo lai, Keo tai tượng, Keo lá tràm, Bạch đàn, Mỡ, giống nuôi cấy mô, giâm hom). Tính không đồng nhất về cây giống và chất lượng cây ảnh hưởng trực tiếp đến tính đồng đều và chất lượng của nguồn gỗ khi khai thác. Điều này ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ, bởi các Công ty chế biến chỉ sử dụng gỗ từ một số nguồn giống nhất định.

Phụ lục 4 chỉ ra sự khác nhau cơ bản giữa hộ trồng rừng có chứng chỉ và không có chứng chỉ.

5.2. Hiệu quả về mặt xã hội của mô hình

Về mặt tích cực, mô hình liên kết đã tạo ra được chuỗi giá trị mà theo đó các bên phát huy được tốt hơn thế mạnh của mình, giải quyết hạn chế được điểm yếu, từ đó sự ổn định và bền vững sẽ tốt hơn. Tính hỗ trợ lẫn nhau giúp các bên tham gia mô hình giảm được các áp lực bên ngoài, tăng khả

²⁰ Ví dụ như quy định không được sử dụng thuốc diệt cỏ và đốt đại trà mà phải phát, dọn thực bì, thu gom và đốt tại một số điểm nhất định (đốt có kiểm soát); đào hố trồng cây phải đúng quy cách về kích thước; không được bỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng trên rừng, mà phải thu gom và lưu giữ về nơi quy định.

²¹ Thực tế cho thấy có nhiều trường hợp các hộ gia đình không tham gia nhóm trồng rừng FSC nhưng có đất rừng nằm xen lẫn trong những diện tích rừng đang thực hiện chứng chỉ. Rủi ro xảy ra khi các hộ không tham gia nhóm trồng rừng có chứng chỉ trồng rừng không đúng quy định, phát đốt bừa bãi, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục cho phép. Điều này có tác động trực tiếp đến các diện tích rừng hiện đang thực hiện chứng chỉ. Vị trí đất trồng rừng có chứng chỉ nằm xen lẫn với đất của các hộ không tham gia nhóm trồng rừng chứng chỉ cũng có thể gặp khó khăn khi khai thác và vận chuyển khi tiêu thụ.

năng cạnh tranh, đầu tư hiệu quả hơn, từ đó tạo được sự phát triển chung và bền vững hơn cho toàn xã hội và nền kinh tế.

Mô hình hộ trồng rừng có chứng chỉ tại Quảng Trị hiện đang tiếp tục được mở rộng, với số hộ tham gia ngày một tăng. Năm 2010 chỉ có 118 hộ với 316 ha được cấp chứng chỉ FSC. Năm 2015 diện tích được cấp chứng chỉ đã tăng lên 1.392 ha với 529 hộ tham gia.²² Chính quyền xúc tiến nhanh hơn việc xác nhận tính hợp pháp của đất trồng rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân giúp giảm những bất đồng, tranh chấp giữa các thành viên trong cộng đồng, và tạo tâm lý yên tâm đầu tư vào sản xuất của các hộ dân.

Việc áp dụng các quy định tuân thủ luật lao động, đảm bảo vệ sinh an toàn lao động trong các khâu của quá trình sản xuất giúp người lao động bảo vệ sức khỏe tốt hơn.

Hình thức liên kết và tổ chức thành nhóm hộ trồng rừng có quy định chung rõ ràng, minh bạch đã tạo sự đồng lòng giữa các hộ thành viên nhóm, khuyến khích tham gia nhóm và chủ động đầu tư của các hộ dân.

Tuy nhiên, ở những nơi mô hình liên kết mới được phát triển và chưa có nguồn gỗ có chứng chỉ được khai thác, tâm lý nghi ngại trong các hộ trồng rừng tham gia mô hình vẫn còn tồn tại. Nhiều hộ nghi ngờ hiệu quả kinh tế và tính bền vững của mô hình. Các nghi ngờ xuất phát từ các băn khoăn như liệu các bên có tuân thủ đúng cam kết mua giá cao hơn và hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật cho các hộ hay không; các chi phí về tài chính cũng như lao động bỏ ra cho việc trồng rừng có chứng chỉ có hiệu quả hơn so với trồng rừng không có chứng chỉ theo kiểu truyền thống; các yêu cầu của trồng rừng có chứng chỉ không phù hợp với trình độ canh tác hiện nay của hộ; tham gia góp đất theo mô hình liên kết rồi có thể lấy ra giữa chừng hay không khi mô hình không hiệu quả hoặc vì lý do nào đó hộ cần đất trước thời điểm gỗ được khai thác theo chu kỳ thống nhất từ trước; công ty chế biến đồ gỗ xuất khẩu chỉ cam kết mua gỗ nguyên liệu có đường kính lớn, phần gỗ còn lại xử lý như thế nào;... Các nghi ngại này là những yếu tố trực tiếp tác động đến sự tồn tại và phát triển của mô hình.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro khi tham gia mô hình, đa số những hộ tham gia, đặc biệt ở những nơi mới triển khai mô hình, chỉ góp một phần đất của mình (từ 40-80%) vào mô hình. Phần đất còn lại của hộ (20-40%) được sử dụng để trồng rừng theo cách truyền thống. Ngay cả các những hộ dân thuộc Nhóm trồng rừng FSC Quảng Trị--vốn đã tồn tại và duy trì trong khoảng 10 năm phần lớn cũng chỉ góp một phần đất hộ hiện có. Phân chia quỹ đất trong việc trồng rừng có chứng chỉ và không chứng chỉ thể hiện những lo lắng của hộ có liên quan đến rủi ro của thị trường đầu ra cho nguồn gỗ có chứng chỉ, mà còn phản ánh tình trạng nguồn lực (cả về tài chính và kỹ thuật) của hộ trong việc đáp ứng với các yêu cầu của FSC.

5.3. Hiệu quả về mặt môi trường của mô hình

Mô hình liên kết gắn với những yêu cầu tuân thủ tiêu chuẩn IWAY và FSC đem lại nhiều điểm tích cực về mặt môi trường. Không sử dụng gỗ nguyên liệu từ khai thác bất hợp pháp, từ khu vực rừng có giá trị bảo tồn cao về đa dạng sinh học, từ vành đai bảo vệ nguồn nước và phòng chống xói lở, từ chuyển đổi rừng tự nhiên, nguồn gốc gỗ không rõ ràng;... giúp hạn chế mất và suy thoái rừng, nguồn nước và đa dạng sinh học. Quy định về kỹ thuật không được khai thác trắng diện tích lớn, không được đốt đại trà thực bì (đốt có kiểm soát) hoặc không được đốt, không sử dụng thuốc diệt cỏ, chỉ được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục được FSC và nhà nước cho phép đã được kiểm chứng an toàn với môi trường và người sử dụng, phải làm vành đai bảo vệ nguồn nước, vùng có giá trị bảo tồn cao, vùng nguy cơ xói lở, không để bao bì, rác, xăng dầu vương vãi trên rừng,... giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải thiện môi trường sống cho người dân. Các quy định bắt buộc về điều kiện vệ sinh môi trường nhà xưởng như không gian, ánh sáng, bụi, bảo hộ lao động trong các khâu sản xuất giúp môi trường làm việc chất lượng hơn, đảm bảo sức khỏe người lao động. Các quy định và yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt của FSC và IWAY giúp nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường của các bên liên

²² Thông tin cập nhật đến 2016 số hộ tham gia trồng rừng có chứng chỉ FSC tại Quảng Trị là 564 hộ.

quan, đặc biệt là người dân địa phương, và do đó sẽ có hiệu quả bảo vệ môi trường bền vững hơn. Phần 6 dưới đây sẽ thảo luận về một số khía cạnh của mô hình liên kết.

6. Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng: Bài học từ thực tiễn và chính sách

Liên kết giữa công ty chế biến gỗ và hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC được hình thành trong bối cảnh xuất hiện các yêu cầu của thị trường thế giới về các sản phẩm có chứng chỉ. Thông qua các khâu khác nhau trong chuỗi cung, các yêu cầu này đã và đang tiếp tục được chuyển tải đến các hộ trồng rừng tại một số địa phương.²³ Theo thống kê của Tổ chức FSC,²⁴ đến hết ngày 1 tháng 3 năm 2017, tổng diện tích rừng có chứng chỉ được cấp cho các nhóm hộ trồng rừng ở Việt Nam là 6.311 ha, tương đương 4% trong tổng số 152.136 ha diện tích rừng trồng đã được cấp chứng chỉ ở Việt Nam.²⁵ Xu hướng hiện nay cho thấy các diện tích rừng có chứng chỉ của các hộ đang tiếp tục được mở rộng, với số lượng các hộ tham gia ngày càng đa dạng và nhiều lên.

Liên kết giữa công ty và hộ được hình thành nhằm phát huy các điểm mạnh và giảm thiểu các điểm yếu của mỗi bên. Cụ thể, công ty đóng góp nguồn lực về kỹ thuật và tài chính, bao tiêu đầu ra cho sản phẩm trong liên kết; hộ gia đình góp đất và lao động. Tuy mới ở giai đoạn bắt đầu, và quy mô của liên kết còn hạn chế, liên kết đã thể hiện một số tiềm năng trong việc đem lại lợi ích lâu dài và ổn định cho các bên tham gia. Cụ thể, công ty có được nguồn cung gỗ nguyên liệu có chứng chỉ, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường. Hộ có nguồn hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính, giúp nâng cao năng suất, chất lượng gỗ, có thị trường đầu ra sản phẩm.

Mặc dù mô hình liên kết có tiềm năng trong việc đem lại lợi ích cho các bên tham gia, liên kết hiện vẫn tiềm ẩn một số rủi ro cho cả 2 bên tham gia mô hình. Điều này là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến diện tích rừng trồng của hộ được cấp chứng chỉ còn rất hạn chế, mặc dù mô hình hộ trồng rừng có chứng chỉ đã bắt đầu được thực hiện từ nửa cuối của những năm 2000. Nhìn từ khía cạnh điều kiện hình thành, và hiệu quả và tính bền vững của mô hình, một số vấn đề cần quan tâm như sau:

Thứ nhất, có 3 điều kiện quan trọng để mô hình liên kết giữa công ty chế biến và hộ trồng rừng có chứng chỉ FSC có thể hình thành bao gồm:

1. Phải có một tổ chức làm đầu mối có tiềm lực tài chính (và khả năng hỗ trợ kỹ thuật) đứng ra khởi xướng và xây dựng mô hình liên kết;
2. Các bên tham gia mô hình liên kết đều có lợi ích phù hợp; và
3. Mô hình liên kết không phải là một tổ chức hành chính. Các bên tham gia là tự nguyện và hoạt động theo cơ chế đồng thuận.

Tuy nhiên, liên kết giữa công ty và hộ trồng rừng được hình thành do sức ép của thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm gỗ có chứng chỉ bền vững FSC, với các bên tham gia sử dụng nguồn lực sẵn có, hoặc có thể tự huy động, của mình để tham gia liên kết. Toàn bộ các mô hình liên kết hiện nay đều có sự trợ giúp của công ty tham gia liên kết, hoặc các nguồn lực từ bên ngoài. Mô hình hộ trồng rừng có chứng chỉ tại Tuyên Quang có sự trợ giúp về tài chính và kỹ thuật của công ty Woodslat; mô hình hộ trồng rừng có chứng chỉ tại Yên Bái có sự trợ giúp của công ty NAFOCO và của Chương trình Rừng và Trang trại do Tổ chức FAO tài trợ thông qua Hội Nông dân; Nhóm hộ trồng rừng có chứng chỉ tại Quảng Trị được nhận hỗ trợ từ tổ chức WWF, thông qua các hỗ trợ về tài chính của Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ và của Tập Đoàn IKEA; các diện tích rừng có chứng chỉ của các hộ tại Thừa Thiên Huế và Quảng Nam có sự hỗ trợ của Dự án hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp do Ngân hàng Thế giới hỗ trợ. Các hỗ trợ này tập trung vào các khâu khác nhau, bao gồm các hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính

²³ Các yêu cầu này cũng được chuyển tải tới một số công ty trồng rừng do nhà nước quản lý và một số công ty tư nhân. Thông tin về các công ty trồng rừng có chứng chỉ nằm ngoài khuôn khổ của Báo cáo này.

²⁴ Xem chi tiết tại: <http://info.fsc.org/certificate.php>

²⁵ Diện tích rừng trồng được cấp cho các hộ bao gồm: (i) 848,09 ha tại Tuyên Quang, (ii) 1.737,50 ha tại Yên Bái, (iii) 950,96 ha tại Thừa Thiên Huế, (iv) 1.722,40 ha tại Quảng Trị, và (v) 1.052 ha tại Thừa Thiên Huế và Quảng Nam.

nhằm hình thành và vận hành các tổ, nhóm hộ trồng rừng, trực tiếp hướng dẫn các hộ tuân thủ theo các yêu cầu của FSC, chi phí đánh giá chứng chỉ. Hiện các chi phí này chưa được tính vào trong cơ cấu giá thành sản xuất của hộ. Thông tin từ các hộ cho biết với mức giá bán gỗ như hiện nay hộ sẽ không sẵn sàng tham gia mô hình nếu phải tự mình chi trả các chi phí này. Theo tính toán của một số hộ, nếu các chi phí này được tính vào giá thành sản xuất của hộ trồng rừng có chứng chỉ thì chưa chắc đã đem lại lợi ích bằng trồng rừng theo cách truyền thống. Nói cách khác, mô hình liên kết trồng rừng có chứng chỉ giữa công ty chế biến gỗ và hộ sẽ có thể không hình thành nếu hộ phải tự đầu tư các chi phí liên quan đến làm chứng chỉ.

Về tính hiệu quả và bền vững của mô hình, câu hỏi đặt ra ở đây là trong trường hợp thiếu vắng các trợ giúp từ bên ngoài, công ty chế biến gỗ sẽ sẵn sàng chi trả các chi phí này đến khi nào để duy trì liên kết và đảm bảo lợi ích của công ty không bị ảnh hưởng? Hiện các mô hình hộ trồng rừng có chứng chỉ chỉ được hình thành trong bối cảnh Tập đoàn IKEA yêu cầu các nhà cung ứng của mình sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ có chứng chỉ. Khi nguồn cung gỗ nguyên liệu này được đảm bảo (ví dụ diện tích rừng trồng có chứng chỉ đủ lớn), quy mô liên kết giữa hộ và công ty có thể bị chứng lại. Điều này đã bắt đầu trở thành mối quan tâm của một số nhà cung cấp của IKEA. Đại diện của một nhà cung cấp của IKEA hiện đang tham gia liên kết với một số hộ trồng rừng cho biết: *‘Mình cũng bắt đầu lo lắng... mình đã hứa sẽ bao tiêu toàn bộ gỗ đầu ra cho các hộ... Tuy nhiên nếu nguồn cung vượt khỏi khả năng sản xuất của mình thì không biết mình sẽ làm thế nào.’* Hiện chưa có con số thống kê về nhu cầu sử dụng gỗ có chứng chỉ trong các doanh nghiệp chế biến của Việt Nam, cũng như mức giá gỗ rừng trồng trong nước có chứng chỉ mà các doanh nghiệp có thể chấp nhận được. Thiếu các thông tin này là các khó khăn để có thể đánh giá được tính bền vững của liên kết hiện nay.

Tính bền vững của liên kết cũng phụ thuộc vào mức độ sẵn có và giá cả của nguồn gỗ có chứng chỉ nhập khẩu có thể thay thế nguồn gỗ có chứng chỉ được sản xuất trong nước. May mắn là đến thời điểm hiện tại gỗ Keo nhập khẩu có chất lượng và giá cao hơn hẳn Keo trong nước, thuộc phân khúc cao hơn để sản xuất các sản phẩm và chi tiết sản phẩm đặc thù. Nhưng liên kết sẽ bị ảnh hưởng/không thành công nếu nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu một ngày nào đó có mức giá và chất lượng bằng hoặc thấp hơn gỗ sản xuất trong nước. Trên thế giới, các nguồn cung gỗ đặc biệt từ các quốc gia có nền quản trị rừng tốt (như các nước thuộc Bắc Mỹ, EU, một số quốc gia thuộc Châu Mỹ La Tinh) có xu hướng cung ra thị trường các loại gỗ có chứng chỉ mà không có những đòi hỏi về sự gia tăng về giá bán do gỗ có chứng chỉ. Xu thế chung về cung nguyên liệu này sẽ có tác động trực tiếp đến mô hình liên kết hiện nay tại Việt Nam, với những đòi hỏi từ các hộ trồng rừng với mức giá bán gỗ có chứng chỉ cao hơn 10-18% so với giá gỗ nguyên liệu cùng chủng loại không có chứng chỉ.

Bên cạnh đó, liên kết cũng tiềm ẩn một số rủi ro, cho cả 2 phía tham gia liên kết. Về phía công ty, các rủi ro có liên quan trực tiếp đến mối quan hệ hợp tác với các hộ trồng rừng. Liên kết giữa 2 bên được hiện thực hóa bởi những hợp đồng kinh tế có tính chất ràng buộc tương đối lỏng lẻo, với mỗi hợp đồng có sự tham gia của nhiều hộ gia đình. Trong điều kiện các hộ không tuân thủ các điều kiện của hợp đồng (ví dụ hộ bán gỗ ra ngoài, thay vì bán cho công ty; hộ bán gỗ trước thời điểm quy định, thay vì giữ rừng với chu kỳ dài nhằm tạo rừng gỗ lớn), công ty sẽ khó có thực hiện khởi kiện tập thể các hộ. Trong mô hình liên kết này, *‘các hộ luôn nắm đằng chuôi’*, nói theo cách nhìn của đại diện một nhà cung cấp của IKEA. Một số nhà cung cấp chấp nhận rủi ro này, và áp dụng chiến lược: *“Mình sẽ chấp nhận các hộ không bán gỗ cho mình, nhưng mình sẽ không bao giờ hợp tác với các hộ đó trong tương lai nữa.”* Nguồn cung gỗ cho công ty từ các hộ tham gia liên kết có thể không bị ảnh hưởng khi số lượng hộ phá vỡ hợp đồng nhỏ. Tuy nhiên, nguồn cung gỗ cho công ty sẽ bị ảnh hưởng nếu số lượng các hộ phá vỡ hợp đồng tăng. Điều này có thể xảy ra khi giá nguyên liệu gỗ đầu vào, hoặc giá đảm gỗ xuất khẩu tăng.

Về phía các hộ trồng rừng, rủi ro có thể xảy ra khi lợi ích kinh tế từ việc tham gia mô hình trồng rừng có chứng chỉ nhỏ hơn lợi ích từ trồng rừng không có chứng chỉ (theo cách truyền thống). Trong các mô hình trồng rừng có chứng chỉ hiện nay mới chỉ có mô hình tại Quảng Trị là mô hình đã cho khai thác nhiều (Nhóm hộ tại Yên Bình, Yên Bái mới chỉ có một hộ gia đình khai thác 1,5 ha). Thông tin từ các hộ cho thấy lợi ích thu được từ gỗ có chứng chỉ lớn hơn so với lợi ích từ trồng rừng theo cách truyền thống. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, phần lợi ích do các hộ thu được hiện chưa bao gồm các chi phí có liên quan đến thực hiện theo các yêu cầu của FSC cũng như chi phí đánh giá FSC. Điều này có nghĩa rằng lợi ích của hộ từ trồng rừng có chứng chỉ chưa chắc đã lớn hơn lợi ích so với trồng rừng theo cách truyền thống. Điều này phần nào lý giải tại sao các hộ tham gia mô hình không góp

toàn bộ nguồn quỹ đất của mình vào mô hình, mà luôn duy trì một phần quỹ đất để trồng rừng theo cách truyền thống.

Bên cạnh đó, yêu cầu về chủng loại và chất lượng gỗ của công ty tham gia liên kết đối với nguồn cung gỗ từ các hộ cũng là nguyên nhân hình thành các lo lắng của nhiều hộ gia đình. Công ty chỉ đồng ý mua các loại gỗ có chất lượng tốt và là gỗ lớn và không chịu trách nhiệm về các loại gỗ còn lại. Mặc dù gỗ bán cho công ty có mức giá cao hơn giá gỗ thông thường của thị trường, các loại gỗ còn lại của hộ gia đình chủ yếu phù hợp với nguồn nguyên liệu dăm gỗ, với mức giá thấp hơn mức giá gỗ thông thường của thị trường. Lo lắng của hộ gia đình tham gia mô hình là có cơ sở, bởi mặc dù giá gỗ bán cho công ty cao, lợi ích kinh tế mà hộ thu được trên 1 đơn vị diện tích trồng rừng có chứng chỉ chưa chắc đã lớn hơn lợi ích thu được khi trồng rừng theo truyền thống. Điều này phần nào phản ánh tính thiếu bền vững của mô hình liên kết.

Từ góc độ của hộ trồng rừng, một câu hỏi quan trọng được đặt ra ở đây là trong điều kiện nguồn lực và trình độ thâm canh của hộ còn hạn chế như hiện nay, liệu mô hình liên kết này có thực sự phù hợp với các hộ gia đình? Nhìn chung, các yêu cầu của FSC trong các khâu từ trồng rừng, chăm sóc, khai thác đều đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài (thông qua công ty tham gia liên kết, hoặc các dự án phát triển, các tổ chức phát triển cộng đồng) hầu hết các hộ trồng rừng hiện nay không thể đáp ứng các yêu cầu này. Bên cạnh đó, trồng rừng có chứng chỉ với chu kỳ kéo dài đòi hỏi hộ cần có nguồn tài chính sẵn có để thực hiện đầu tư. Trong bối cảnh tiếp cận của hộ với các nguồn tín dụng chính thống hiện nay là gần như không thể, nếu không có nguồn tài chính hỗ trợ khác (ví dụ từ công ty tham gia liên kết), hầu hết các hộ trồng rừng không có nguồn tài chính sẵn có để thực hiện đầu tư. Nói cách khác, trồng rừng có chứng chỉ có vẻ không phù hợp với hầu hết các hộ trong tổng số 1,4 triệu hộ có đất trồng rừng hiện nay.

Nếu các hộ có đất chưa hội tụ được đầy đủ các yếu tố cần và đủ để tham gia trồng rừng có chứng chỉ trong chuỗi liên kết với các công ty, thì mô hình liên kết giữa công ty chế biến và hộ trồng rừng nên được hình thành hay không?, và nếu có thì nên dừng lại ở mức độ nào để đảm bảo liên kết phù hợp với điều kiện thực tế của các bên tham gia? Nhiều ví dụ trong thực tế cho thấy rằng liên kết trong sản xuất kinh doanh nếu lòng tin được xây dựng và duy trì, và lợi ích chia sẻ công bằng dựa trên trách nhiệm và nguồn lực của các bên tham gia thì liên kết sẽ đem lại lợi ích lớn hơn và bền vững hơn cho các bên. Yếu tố '*lòng tin*' và '*chia sẻ lợi ích công bằng dựa trên trách nhiệm đóng góp của các bên*' là thông điệp được các công ty và các hộ gia đình tham gia liên kết nhấn mạnh trong quá trình thực hiện nghiên cứu này. Nói cách khác, liên kết giữa hộ và công ty nên được hình thành, nếu liên kết này dựa trên nền tảng lòng tin và chia sẻ lợi ích công bằng giữa các bên tham gia.

Câu hỏi liên kết này nên dừng lại ở đâu phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của thị trường và điều kiện của các bên tham gia. Liên kết giữa công ty và hộ trồng rừng có chứng chỉ vẫn có thể phù hợp với các hộ có nguồn lực về đất đai và tài chính tốt và có trình độ thâm canh cao. Liên kết này chỉ có thể thành công nếu lợi ích của việc trồng rừng có chứng chỉ đem lại lợi ích thực cao hơn so với việc trồng rừng truyền thống, khi toàn bộ các chi phí liên quan được tính toán vào trong cơ cấu giá thành. Trong điều kiện trình độ thâm canh của hộ hạn chế, hộ không có đủ nguồn lực để đầu tư dài hạn, hộ có thể tham gia mô hình liên kết trồng rừng không có chứng chỉ với công ty, nhằm tạo ra nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho chế biến là sản phẩm hợp pháp.

Sử dụng sản phẩm gỗ hợp pháp hiện đã trở thành yêu cầu bắt buộc ở hầu hết các quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Sản phẩm gỗ hợp pháp cũng đáp ứng được toàn bộ các yêu cầu tại các thị trường khó tính như Hoa Kỳ (với Đạo luật Lacey Act) hoặc các nước EU (trong khuôn khổ của Quy định về Gỗ EUTR). Hiện khoảng 60-70% tổng lượng gỗ rừng trồng được khai thác hàng năm có nguồn gốc từ các hộ gia đình (phần 30-40% còn lại do các công ty lâm nghiệp, các hợp tác xã). Điều này chứng tỏ rằng hộ gia đình có vai trò chính trong việc cung gỗ rừng trồng cho ngành công nghiệp chế biến gỗ hiện nay. Khoảng 70-80% nguồn gỗ từ rừng trồng của Việt Nam được sử dụng làm dăm, phần còn lại (20-30%) được đưa vào chế biến đồ gỗ phục vụ xuất khẩu. Gỗ đưa vào chế biến có giá trị gia tăng lớn hơn so với gỗ đưa vào chế biến dăm. Hiện nguồn cung gỗ lớn rừng trồng trong nước ngày càng quan trọng, trực tiếp góp phần giảm sự phụ thuộc của ngành chế biến gỗ vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Sử dụng nguồn cung gỗ rừng trồng trong nước thay thế cho nguồn nhập khẩu còn giúp giảm thiểu rủi ro trong việc nhập khẩu các loại gỗ bất hợp pháp, thông qua đó nâng cao vị thế của ngành trên trường quốc tế. Liên kết giữa công ty chế biến và các hộ trồng rừng giúp hộ vượt qua được các

hạn chế về trình độ thâm canh và nguồn lực đầu tư – các hạn chế mang tính chất hệ thống đối với nhiều hộ gia đình hiện nay. Liên kết có tiềm năng trong việc tạo nguồn gỗ sạch rừng trồng, là nguồn nguyên liệu quan trọng cho ngành công nghiệp chế biến đồ gỗ, với giá trị gia tăng cao. Cũng giống như liên kết trong rừng có chứng chỉ, liên kết giữa công ty và hộ trong việc tạo nguồn gỗ sạch cho chế biến chỉ có thể tồn tại và phát triển nếu được hình thành dựa trên hệ thống giá trị là 'lòng tin' và 'chia sẻ lợi ích công bằng' giữa các bên tham gia.

Một trong những điều kiện quan trọng để hình thành được liên kết là hộ phải được giao đất và nguồn đất này phải là nguồn đất sạch, với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ. Hiện nhiều hộ ở vùng núi vẫn chưa tiếp cận được với nguồn đất trồng rừng (Tô Xuân Phúc và cộng sự 2012), nhiều hộ có diện tích đất hạn chế, khó có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế khi tham gia liên kết. Lợi ích của rừng trồng, đặc biệt là rừng trồng của hộ cả về mặt làm tăng độ che phủ của rừng toàn quốc cũng như tạo nguồn cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho chế biến và nâng cao thu nhập cho hộ thông qua bán gỗ là không thể phủ nhận. Nói cách khác, tạo cơ hội và mở rộng tiếp cận về đất đai cho các hộ vùng núi có tiềm năng đem lại các lợi ích tổng hợp về kinh tế, xã hội và môi trường. Liên kết giữa các công ty và hộ nhằm tạo nguồn gỗ rừng trồng hợp pháp có tiềm năng tối đa hóa các lợi ích tổng hợp này.

Nguồn đất nào có thể sử dụng để tạo mới và/hoặc mở rộng đất đai cho các hộ? Về mặt lý thuyết, một trong những nguồn đất có thể sử dụng là 2,7 triệu ha đất hiện đang được Ủy ban Nhân dân cấp xã quản lý.²⁶ Mặc dù có thể trên thực tế nguồn đất này đã hiện không còn nhiều vì một số diện tích đã bị các hộ tiếp cận và sử dụng, và một số diện tích là núi đá, không phù hợp với canh tác, một số diện tích nằm quá xa khu dân cư và đường giao thông, không có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế. Tuy nhiên, có thể vẫn còn một phần diện tích có khả năng sử dụng để phát triển rừng trồng. Phần diện tích này nếu được giao cho các hộ, đặc biệt là các hộ không có hoặc thiếu đất sẽ có tiềm năng trong việc đem lại các lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường, đặc biệt nếu các diện tích này được góp vào để hình thành liên kết với các công ty chế biến gỗ để tạo nguồn gỗ nguyên liệu sạch.

Nguồn đất quan trọng hơn có thể sử dụng để chia cho các hộ là nguồn đất đã và đang được quản lý bởi các công ty lâm nghiệp của nhà nước. Những năm gần đây chứng kiến nỗ lực tái cơ cấu ngành lâm nghiệp của Chính phủ, theo đó các diện tích đất lâm nghiệp được các công ty lâm nghiệp sử dụng không hiệu quả đã và sẽ tiếp tục được trao lại cho chính quyền địa phương, làm cơ sở cho việc thực hiện việc giao đất cho hộ. Cần có cơ chế đảm bảo nguồn đất này sẽ được trao cho các hộ, chứ không phải cho các nhóm đối tượng khác (ví dụ công ty tư nhân) đặc biệt là các hộ không có hoặc thiếu đất, nhằm phát triển nguồn gỗ rừng trồng. Bên cạnh đó, trong điều kiện đói nghèo ở vùng núi còn cao, chính phủ cũng cần tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp còn lại. Nếu các kết quả rà soát và đánh giá này cho thấy nếu lợi ích tổng hợp trong sử dụng đất (về môi trường, xã hội và kinh tế) khi đất được giao cho các hộ cao hơn lợi ích khi đất được quản lý bởi các công ty lâm nghiệp thì cần tiến hành xóa bỏ công ty lâm nghiệp và chuyển các diện tích đất cho các hộ sử dụng và quản lý. Trong điều kiện này, lao động dôi ra từ các công ty lâm nghiệp sẽ có mức tiếp cận về đất đai giống như với các hộ.

Liên kết giữa công ty và hộ có tiềm năng trong việc nâng cao lợi ích tổng thể về hiệu quả sử dụng đất, tuy nhiên liên kết này không phải được hình thành một cách tự nhiên, đặc biệt trong bối cảnh số lượng các hộ lớn và diện tích đất trồng rừng của các hộ hạn chế, từ đó làm tăng các chi phí giao dịch trong liên kết. Các mô hình liên kết hiện nay cho thấy liên kết chỉ có thể hình thành khi có sự hỗ trợ từ bên ngoài, trong đó phải kể đến vai trò quan trọng của chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương không nên trực tiếp tham gia vào các hoạt động của liên kết như tham gia các cuộc vận động người dân tham gia liên kết, hạn chế việc ban hành các mệnh lệnh về hành chính yêu cầu các hộ tham gia mà cần tạo môi trường thể chế thuận lợi cho việc hình thành liên kết. Chính quyền nên coi liên kết như là một loại hình đầu tư và môi trường thể chế cần thông thoáng, đặc biệt là các quy định có liên quan đến sử dụng và quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, để có thể thu hút các doanh nghiệp và người dân cùng tham gia đầu tư, hình thành liên kết. Chính quyền cũng cần có những cơ chế nhằm tạo lòng tin cho doanh nghiệp, bao gồm cả những biện pháp chế tài đủ mạnh, nhằm giảm thiểu các rủi ro xảy ra khi hộ phá vỡ hợp đồng. Chính quyền cũng cần thiết lập các biện pháp kiểm

²⁶ Quyết định 3158/QĐ-BNN-TCLN của Bộ NN&PTNT ngày 27/07/2016 về việc công bố hiện trạng rừng năm 2015.

soát nhằm đảm bảo lợi ích công bằng cho người dân khi tham gia liên kết. Liên kết sẽ phát triển và bền vững nếu được vận hành bởi quan hệ cung - cầu, gắn kết thông qua hệ thống giá trị lòng tin và chia sẻ lợi ích công bằng giữa các bên tham gia, trong môi trường thể chế minh bạch, thông thoáng và mang tính phục vụ./.

Phụ lục

Phụ lục 1. Tổng hợp diện tích rừng theo chủ quản lý trong toàn quốc tính đến 31/12/2015

TT	Chủ quản lý	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng	14,061,856	100.0
1	Doanh nghiệp Nhà nước	1,454,361	10.3
2	Ban quản lý rừng	4,896,160	34.8
3	Tổ chức kinh tế khác	241,534	1.7
4	Đơn vị vũ trang	170,161	1.2
5	Hộ gia đình	3,145,967	22.4
6	Cộng đồng	1,110,408	7.9
7	Tổ chức khác	342,446	2.4
8	Ủy ban Nhân dân	2,700,819	19.2

Nguồn: Quyết định 3158/QĐ-BNN-TCLN do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ký ngày 27/07/2016 về việc công bố hiện trạng rừng năm 2015.

Phụ lục 2. Thông tin cơ bản về FSC

(Nguồn: <https://ic.fsc.org/en/about-fsc>; <http://www.nepcon.org/vi/he-thong-fsc>; <http://chungnhan.vn/chung-nhan-tieu-chuan-rung-fsc.html>; <http://senhowoodpellets.vn/fsc-la-gi/>; http://www.gfa-cert.com/574990/STD_FM_GFA_Standard_Vietnam_1.1_vn.pdf.)

FSC (Forest Stewardship Council), Hội đồng Quản trị Rừng Quốc tế, là một tổ chức phi chính phủ phi lợi nhuận quốc tế được thành lập năm 1993 bởi nhiều hội viên trên toàn cầu, nhằm mục đích khuyến khích quản lý rừng có trách nhiệm. FSC đề ra những biện pháp kiểm soát việc quản lý rừng trên thế giới phù hợp với môi trường, đồng thời có lợi ích cho xã hội và đạt hiệu quả kinh tế.

Tổ chức FSC đã thiết lập một hệ thống tiêu chuẩn quốc tế về việc quản lý rừng có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội (10 nguyên tắc và 56 tiêu chí), và thành lập một hệ thống các tổ chức chứng nhận được ủy quyền đại diện cho Tổ chức FSC chứng nhận cho những tổ chức, doanh nghiệp quản lý rừng, những nhà sản xuất, thương mại sản phẩm từ rừng theo tiêu chuẩn của FSC. Một số tổ chức được FSC ủy quyền cấp các loại chứng chỉ/chứng nhận rừng như SGS, Woodmark, BM TRADA (Anh); GFA Terra System (Đức); Smartwood (Mỹ); SKAL (Hà Lan); Silva Forest Foundation (Canada);...

Tiêu chuẩn quản lý rừng FSC được phân ra thành 3 loại chứng nhận cụ thể:

- FSC-FM (Forest Management certification): Chứng nhận về quản lý rừng. Chứng chỉ FSC-FM dành cho các đơn vị trồng và khai thác rừng. Chứng nhận khu rừng/đơn vị quản lý rừng xác định đã tuân thủ theo 10 nguyên tắc FSC phù hợp các nguyên tắc về môi trường, kinh tế, xã hội.
- FSC-CoC (Chain of Custody certification): Chứng nhận về chuỗi hành trình sản phẩm. Chứng chỉ FSC-CoC dành cho các đơn vị chế biến các sản phẩm từ rừng. Chứng nhận hệ thống quản lý cho các đơn vị sản xuất, chế biến và thương mại những sản phẩm từ rừng được chứng nhận FSC. Xác nhận nguyên liệu hay sản phẩm FSC được tách biệt với các sản phẩm, nguyên liệu khác trong quá trình quản lý và gắn nhãn.
- FSC-CW (Controlled Wood): Chứng nhận gỗ có kiểm soát FSC, chứng nhận hệ thống quản lý cho các đơn vị quản lý rừng hay sản xuất, chế biến và thương mại những nguồn gỗ theo tiêu chuẩn kiểm soát FSC. Gỗ có kiểm soát FSC là nguồn gỗ được FSC chấp nhận là có kiểm soát để loại trừ nguồn gỗ không được chấp nhận.

Theo báo cáo của Tổ chức FSC cập nhật đến ngày 5/12/2016,²⁷ trên thế giới đã có trên 190 triệu ha rừng tại 83 quốc gia được cấp chứng chỉ FSC (với 1.453 chứng chỉ); 31.622 chứng chỉ FSC CoC được cấp tại 123 quốc gia. Cũng theo báo cáo này, Việt Nam đã được cấp 24 chứng chỉ FSC FM với tổng diện tích 203.863 ha rừng; và 526 chứng chỉ FSC CoC.

Các chứng chỉ FSC FM tại Việt Nam (cấp cho các Công ty Lâm nghiệp và các nhóm hộ trồng rừng sản xuất) phần lớn do Công ty Chứng chỉ GFA GmbH đánh giá, theo Tiêu chuẩn Tạm thời cho Hội đồng Quản trị rừng tại Việt Nam do Công ty này xây dựng. Phiên bản mới nhất của Tiêu chuẩn Tạm thời này là Phiên bản 1.1, cập nhật ngày 04/09/2015.

Chứng chỉ FSC CoC tại Việt Nam (cấp cho các công ty chế biến, gia công đồ gỗ, xưởng xẻ) phần lớn do SGS, RA đánh giá, theo Tiêu chuẩn FSC-STD-40-004 V2-1 của Tổ chức FSC.

Chứng chỉ FSC được cấp và được cấp lại dựa vào đánh giá cấp chứng chỉ (lần đầu) và đánh giá định kỳ và đánh giá cấp lại. Thời gian cấp chứng chỉ khác nhau tùy đối tượng xin cấp khác nhau, thông thường trong khoảng 1 đến 5 năm.

FSC GFA đánh giá theo nguyên tắc và tiêu chí đã xây dựng, với 4 loại kết quả là Đạt, Lỗi nặng, Lỗi nhẹ và Quan sát. Các yêu cầu hành động chỉnh sửa/khắc phục phù hợp sẽ được đưa ra đối với những tiêu chí bị đánh giá là Lỗi hay Quan sát.

²⁷ FSC. Facts & Figures. Updated December 5, 2016.

- Yêu cầu hành động chỉnh sửa nặng (Lỗi nặng CARs) được đưa ra do bị lỗi nặng trong việc đạt được mục tiêu của các yêu cầu tiêu chuẩn liên quan. Đơn vị quản lý rừng (hay đơn vị đại diện cho diện tích rừng được đánh giá) phải có hoạt động chỉnh sửa ngay, đầy đủ trước khi chứng chỉ được cấp hay cấp lại. Nếu Lỗi nặng không được khắc phục trong thời hạn cho phép, chứng chỉ sẽ bị đình chỉ tạm thời theo đúng quy định của hệ thống FSC.
- Yêu cầu hành động chỉnh sửa nhẹ (Lỗi nhẹ CARs) được đưa ra do chưa đạt được mục tiêu của các yêu cầu tiêu chuẩn FSC liên quan, được coi là có tính tạm thời. Lỗi này không ảnh hưởng đến việc cấp hay không cấp chứng chỉ nhưng cần phải được khắc phục đầy đủ trước lần đánh giá tiếp theo. Nếu không khắc phục lỗi nhẹ CARs sẽ tự động bị đánh thành lỗi nặng CARs. Nếu vẫn tiếp tục không khắc phục sẽ bị đình chỉ chứng chỉ.
- Quan sát không ảnh hưởng đến việc cấp chứng chỉ nhưng nó cảnh báo các vấn đề tại giai đoạn sớm, chưa hình thành lỗi không tuân thủ, nhưng trong tương lai có thể bị đánh lỗi nếu khách hàng không khắc phục sớm.

Nếu bị đánh Lỗi nặng, Đơn vị quản lý rừng phải đệ trình bằng chứng cả về hành động khắc phục và việc ngăn ngừa việc lặp lại lỗi cho tổ chức thực hiện đánh giá (GFA) trong thời hạn cho phép, đồng thời phải lưu các bằng chứng này tại hiện trường đến lần đánh giá sau. Trong trường hợp Lỗi nhẹ CARs, Đơn vị quản lý rừng phải lưu bằng chứng khắc phục trên hiện trường đến lần đánh giá tiếp theo.

Phụ lục 3. Một số chỉ số về khả năng cân đối chi phí cấp chứng chỉ FSC của Hội các nhóm hộ trồng rừng FSC Quảng Trị

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức cam kết tăng giá thu mua gỗ FSC so với gỗ không FSC (phổ biến)				
		20%	18%	15%	10%	5%
Tổng lợi nhuận chu kỳ 10 năm trên 1 ha	Triệu đồng	120	120	120	120	120
Lợi nhuận theo các mức chênh lệch giá thu mua gỗ trên 1 ha	Triệu đồng	20.0	18.3	15.7	10.9	5.7
7% giá trị của lợi nhuận chênh lệch trên 1 ha	Triệu đồng	1.4	1.3	1.1	0.8	0.4
Phí thành viên hàng năm (0.1 tr đ*529 thành viên)	Triệu đồng	52.9	52.9	52.9	52.9	52.9
Chi phí cấp chứng chỉ FSC 1 năm cho toàn bộ diện tích ((28.000 USD*2 chu kỳ đánh giá/10 năm)*22,500)/ 1.000.000 đ)	Triệu đồng	126	126	126	126	126
Diện tích tối thiểu cần khai thác 1 năm để có đủ kinh phí trả phí chứng chỉ FSC (chỉ sử dụng đóng góp 7% chênh lệch tăng thêm)	ha	90	98	115	165	315
Diện tích tối thiểu cần khai thác 1 năm để có đủ kinh phí trả phí FSC (sử dụng 7% chênh lệch tăng thêm + phí thành viên)	ha	52	57	67	96	183
Diện tích tối thiểu Nhóm hộ cần có trong chu kỳ 10 năm để có đủ kinh phí trả phí FSC (chỉ sử dụng 7% chênh lệch tăng thêm)	ha	900	983	1,150	1,650	3,150
Diện tích tối thiểu Nhóm hộ cần có trong chu kỳ 10 năm để có đủ kinh phí trả phí FSC (sử dụng 7% chênh lệch tăng thêm + phí thành viên)	ha	522	570	667	957	1,828

Ghi chú: Tính toán dựa vào số liệu lợi nhuận bình quân (120 triệu đồng / ha) do thành viên Hội các nhóm hộ trồng rừng FSC Quảng Trị cung cấp. Hội hiện có 529 thành viên là các hộ trồng rừng tại địa phương, với tổng diện tích rừng trồng đã được cấp chứng chỉ FSC (tháng 9/2015) là 1.392,39 ha.

Phụ lục 4. Khác nhau trong trồng rừng FSC và không FSC của các hộ gia đình

Chỉ tiêu	Hộ gia đình trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC	Hộ gia đình trồng rừng truyền thống (không theo tiêu chuẩn QLRBV)
Mật độ cây giống	Mật độ thấp (1.333 – 1.660 gốc / ha)	Trồng dày (1.600 – 3.400 gốc/ha)
Loài cây trồng	Keo lá tràm lai, Keo tai tượng, thâm canh	Keo lai
Chu kỳ khai thác	Phổ biến 8-10 năm	Phổ biến 5-7 năm
Tỷ lệ sử dụng đất	Chừa lại một phần diện tích làm hành lang bảo vệ gần sông, suối,...	Sử dụng toàn bộ 100% diện tích có thể trồng rừng
Nguồn gốc cây giống	Có quy định mua rõ nguồn gốc theo danh sách cơ sở cung cấp giống tỉnh cung cấp; có hóa đơn mua bán	Hộ gia đình tự quyết định, nguồn gốc không rõ ràng, mua bán tự do
Kỹ thuật trồng, chăm sóc	<ul style="list-style-type: none"> -Trồng thuần loài -Chuẩn bị đất, đào hố bằng máy, kích thước hố đúng quy cách -Tuân thủ chặt chẽ trồng theo đường đồng mức -Bỏ phân và lấp hố trước khi trồng -Làm cỏ thủ công, không đốt thực bì hoặc thu gom đốt theo điểm (đốt có kiểm soát) -Bón thúc năm thứ 3 -Tỉa thưa năm thứ 3, thứ 5, nơi trồng mật độ thấp từ đầu không tỉa thưa -Mật độ cây còn lại khoảng 900-1.000 gốc/ha -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo danh mục quy định -Không sử dụng thuốc diệt cỏ -Tuần tra bảo vệ kết hợp tỉa cành -Làm đường ranh cản lửa 	<ul style="list-style-type: none"> -Trồng xen cây nông nghiệp trong giai đoạn đầu -Chuẩn bị đất, đào hố thủ công không theo quy cách cụ thể -Có hoặc không bón phân -Phát, đốt trên toàn diện tích -Bón hoặc không bón thúc (tùy thuộc điều kiện kinh tế của hộ gia đình) -Tỉa thưa năm thứ 3 hoặc thứ 4, và năm thứ 5 (nếu chu kỳ khai thác 7 năm) -Mật độ cây còn lại khoảng 900-1.200 gốc/ha -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật -Sử dụng thuốc diệt cỏ -Tuần tra bảo vệ kết hợp tỉa cành -Đa số không chú ý làm ranh cản lửa

Tiếp cận tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty chế biến tài trợ chi phí đánh giá cấp chứng chỉ - Công ty chế biến cho vay vốn ưu đãi cho diện tích rừng trồng FSC từ trên 5 tuổi, cam kết bán gỗ cho Công ty chế - Các hộ được tham gia tập huấn kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy 	<ul style="list-style-type: none"> - Có hỗ trợ kỹ thuật từ khuyến lâm địa phương, nhưng không thường xuyên - Có chương trình cho vay vốn của Nhà nước nhưng khó tiếp cận - Được chính quyền địa phương/kiểm lâm địa bàn tuyên truyền, phổ biến về phòng chống cháy rừng
Phương thức và điều kiện bán rừng	<ul style="list-style-type: none"> - Phải có kế hoạch khai thác được phê duyệt trước 1 năm - Chỉ được khai thác trắng với lô rừng nhỏ dưới 5 ha - Chủ yếu thuê khai thác - Bán trực tiếp cho Công ty chế biến gỗ lớn đủ tiêu chuẩn làm gỗ xẻ - Công ty chế biến cam kết mua gỗ FSC với giá cao hơn từ 10-18% giá bán gỗ cùng kích thước không có FSC - Bán cạnh, gỗ nhỏ băm dăm cho cơ sở chế biến hoặc thu mua khác - Hộ gia đình không bắt buộc phải bán cho một Công ty chế biến/thu mua cụ thể nào 	<ul style="list-style-type: none"> - Không nhất thiết phải có kế hoạch khai thác - Có quy định về xin phép khai thác nhưng thường không thực hiện - Được khai thác trắng - Bán cây đứng hoặc thuê khai thác - Bán toàn bộ cho cơ sở chế biến hoặc thu mua (băm dăm hoặc gỗ xẻ) - Hộ trồng rừng tự lo đầu ra (tự tìm người mua và tự thỏa thuận giá bán)
Chi phí liên quan / trang thiết bị yêu cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thực hiện theo các yêu cầu của gỗ có chứng chỉ và chi đánh giá - Trang thiết bị/dụng cụ chuyên dùng (máy cưa, máy xén cỏ, dao phát, cuốc, xẻng, bảo hộ lao động,...) phải có theo quy định 	<ul style="list-style-type: none"> - Trang thiết bị cơ bản, thô sơ chi phí thấp - Dụng cụ chuyên dùng không bắt buộc

Nguồn: Nhóm hộ trồng rừng nguyên liệu có chứng chỉ FSC tại Gio Linh (Quảng Trị) và không có chứng chỉ tại Yên Bình (Yên Bái). Tháng 9, 10/2016.

Tài liệu tham khảo

- IKEA (2012) Tiêu chuẩn IWAY về những yêu cầu tối thiểu về môi trường, xã hội và điều kiện làm việc khi mua sản phẩm, nguyên liệu và thuê dịch vụ. Phiên bản 6. 01/09/2012.
- Mayfroidt, P; E. Lambin. 2008. The cause of the reforestation in Vietnam. *Land Use Policy* 25:182-197.
- Meyfroid, P. and E. Lambin. 2008. Forest transition in Vietnam and its environmental impacts. *Global Change Biology*, 14(6) 1319-1336
- Nguyễn Tôn Quyền, Cao Thị Cẩm, Tô Xuân Phúc và Trần Lê Huy. 2016. Thực trạng sử dụng gỗ nguyên liệu. VIFORES, FPA Bình Định, Forest Trends.
- Quyết định 3158/QĐ-BNN-TCLN của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ngày 27/07/2016 về việc công bố hiện trạng rừng năm 2015.
- Tô Xuân Phúc và cộng sự. 2013. Mâu thuẫn đất đai giữa công ty lâm nghiệp và người dân địa phương. Viện Tư vấn Phát triển (CODE) và Forest Trends.
- Tô Xuân Phúc, Trần Hữu Nghị. 2014. Giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao. Forest Trends và Tropenbos International.